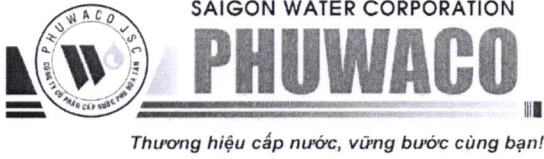


PHỤ LỤC II

(Ban hành kèm theo quy trình thực hiện công bố thông tin trên cổng thông tin điện tử của UBCKNN và báo cáo UBCKNN theo Quyết định số 515/QĐ-UBCK ngày 25/6/2012)



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 4 năm 2024

Số: 109 /CBTT-PHT-HĐQT

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ HÒA TÂN

Trụ sở chính: 86 Tân Hưng, Phường 12, Quận 5, TpHCM

Điện thoại: (84-08) 38 558 410

Người thực hiện công bố thông tin: DƯƠNG VĂN HÒA – Giám đốc

Địa chỉ: 39/21 đường số 39, khu phố Bến Cát, Phường Phước Bình, Thành phố Thủ Đức, TP. HCM

Điện thoại: (84-028) 38 558 410

Loại công bố thông tin: 24h; 72h; Yêu cầu; Bất thường; Định kỳ

Nội dung của thông tin công bố:

Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên lần thứ 17 năm 2024 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, trong đó có một số nội dung sau:

- Mức chia cổ tức năm 2023: 8,00% tương đương 800 đồng/cổ phiếu.
- Chấp thuận chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt chính thức là đơn vị thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty – Theo như Dự thảo hợp đồng.

Đồng thời, ủy quyền cho HĐQT lựa chọn 01 trong 02 đơn vị kiểm toán độc lập Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC hoặc Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam trong trường hợp vì lý do hay điều kiện khách quan mà Công ty không thể ký kết hợp đồng kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 với đơn vị kiểm toán độc lập Chuẩn Việt.

- Chấp thuận Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch và bản thỏa thuận với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn (Công ty mẹ) có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất – Theo như Dự thảo hợp đồng và bản thỏa thuận.

Đồng thời, ủy quyền cho Hội đồng Quản trị chấp thuận các Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn (Công ty mẹ) khi điều khoản hợp đồng có sự điều chỉnh.

Giao cho Giám đốc ký kết các hợp đồng và bản thỏa thuận, các phụ lục điều chỉnh hợp đồng mua bán sỉ nước sạch với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn sau khi được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu. VT, TTK^M

Tài liệu đính kèm:

- BB + NQ hợp ĐHĐCĐ năm 2024;

**Người thực hiện công bố thông tin
GIÁM ĐỐC**



Dương Văn Hòa



SAIGON WATER CORPORATION

PHUWACO

Thương hiệu cấp nước, vững bước cùng bạn!

Số: 106 /BB-PHT-ĐHĐCĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 4 năm 2024

BIÊN BẢN HỌP ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

Ngày 22/4/2024

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Hòa Tân.

Hôm nay vào lúc 9 giờ 00', ngày 22 tháng 4 năm 2024, tại Hội trường Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Hoà Tân, số 86 Tân Hưng, Phường 12 – Quận 5, TP.Hồ Chí Minh, tiến hành kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên lần thứ 17 – năm 2024.

I. NGHI THỨC ĐẠI HỘI:

1. Tính hợp pháp, hợp lệ của Đại hội:

- Tổng số cổ phần của Công ty: 9.000.000 cổ phần.
- Tổng số cổ đông sở hữu hoặc được ủy quyền tham dự có mặt lúc 9h00' là: **21** người, đại diện cho **7.702.951** cổ phần, chiếm tỷ lệ **85,59%** số cổ phần có quyền biểu quyết.

Căn cứ quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 là hợp pháp, hợp lệ và đủ điều kiện tiến hành.

2. Bầu Đoàn chủ tịch, Đoàn thư ký & Ban kiểm tra tư cách cổ đông; thông qua Chương trình; Thê lệ làm việc và biểu quyết tại Đại hội.

Đại hội biểu quyết thông qua nhân sự Đoàn chủ tịch, Đoàn thư ký và Ban thẩm tra tư cách cổ đông đồng thời là Ban kiểm phiếu với 100% cổ đông có quyền biểu quyết có mặt tại Đại hội đồng ý, gồm các thành viên như sau:

• Đoàn chủ tịch gồm:

1. Bà Lê Thị Thanh Tâm - Chủ tịch HĐQT
2. Ông Dương Văn Hòa - Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty

• Đoàn thư ký gồm:

1. Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung
2. Bà Cao Thị Mỹ Hương

• Ban thẩm tra tư cách cổ đông, đồng thời là Ban kiểm phiếu gồm:

1. Ông Trần Công Lễ - Trưởng Ban

2. Bà Trần Thị Thanh Nga - Thành viên
3. Ông Nguyễn Thành Tính - Thành viên

Đoàn thư ký công bố Chương trình, Thể lệ làm việc và biểu quyết của Đại hội, cổ đông tham dự đã biểu quyết thông qua với tỷ lệ đồng ý là 100%.

II. NỘI DUNG CHÍNH ĐẠI HỘI:

1. Đoàn chủ tịch lần lượt trình bày trước đại hội các nội dung chủ yếu gồm:

- 1.1. Báo cáo kết quả SXKD năm 2023 và Kế hoạch SXKD năm 2024;
- 1.2. Báo cáo tài chính năm 2023 đã kiểm toán và Kế hoạch tài chính năm 2024;
- 1.3. Phân phối lợi nhuận năm 2023: mức chia cổ tức và trích lập các quỹ;
- 1.4. Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2023;
- 1.5. Báo cáo của Ban Kiểm soát về thẩm tra hoạt động SXKD năm 2023;
- 1.6. Trình ĐHĐCĐ chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 – Đính kèm Dự thảo hợp đồng
- 1.7. Báo cáo tiền lương, thù lao Người quản lý năm 2023 và trình ĐHĐCĐ duyệt Kế hoạch lương, thù lao Người quản lý năm 2024;
- 1.8. Trình ĐHĐCĐ chấp thuận các Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch và Bản thỏa thuận với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất và ủy quyền cho HĐQT chấp thuận các Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch khi điều khoản Hợp đồng có sự điều chỉnh – Đính kèm Dự thảo hợp đồng;

2. **Phản ý kiến cổ đông tại Đại hội:**

Không có ý kiến.

3. **Đại hội biểu quyết thông qua các nội dung báo cáo, tờ trình Đại hội:**

- 3.1. Tính đến thời điểm biểu quyết thông qua các nội dung đã thảo luận, lúc 10 giờ 00, tổng số cổ phần cổ đông sở hữu hoặc được ủy quyền là **7.740.951** cổ phần, chiếm tỷ lệ **86,01 %** số cổ phần có quyền biểu quyết. Trong đó, số cổ phần của cổ đông không có lợi ích liên quan đến Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn là **1.356.851** cổ phần.
- 3.2. Kết quả biểu quyết như sau:

1. **Thông nhất Kế hoạch SXKD năm 2024 số 036/BC-PHT-KHĐT ngày 10/01/2024:**

Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua với tỷ lệ như sau:

➤ Tán thành	7.740.951 cổ phần, tương đương với 100 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự họp
-------------	--

➤ Không tán thành	0 cổ phần, tương đương với 0 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự họp
➤ Không có ý kiến	0 cổ phần, tương đương với 0 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự họp

2. Thống nhất Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2023:

Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua với tỷ lệ như sau:

➤ Tán thành	7.740.951 cổ phần, tương đương với 100 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự họp
➤ Không tán thành	0 cổ phần, tương đương với 0 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự họp
➤ Không có ý kiến	0 cổ phần, tương đương với 0 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự họp

3. Thống nhất Kế hoạch tài chính năm 2024 số 095/TTr-PHT-HĐQT ngày 29/3/2024:

Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua với tỷ lệ như sau:

➤ Tán thành	7.740.951 cổ phần, tương đương với 100 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự họp
➤ Không tán thành	0 cổ phần, tương đương với 0 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự họp
➤ Không có ý kiến	0 cổ phần, tương đương với 0 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự họp

4. Thống nhất phân phối lợi nhuận năm 2023 theo văn bản số 095/TTr-PHT-HĐQT ngày 29/3/2024: Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến năm 2022 đã được rà soát và thực hiện điều chỉnh hồi tố tiếp theo kết quả kiểm toán nhà nước tại thông báo số 1706/TB-KV IV ngày 30/12/2022. Số liệu trước khi điều chỉnh là 5.190.221.827 đồng, giảm 11.136.844.970 đồng.

Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua với tỷ lệ như sau:

➤ Tán thành	7.698.751 cổ phần, tương đương với 99,45 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự họp
➤ Không tán thành	42.200 cổ phần, tương đương với 0,55 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự họp
➤ Không có ý kiến	0 cổ phần, tương đương với 0 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự họp

5. Thống nhất Báo cáo số 088/BC-PHT-HĐQT ngày 18/3/2024 về hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2023:

Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua với tỷ lệ như sau:

➤ Tán thành	7.740.951 cổ phần, tương đương với 100 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự họp
➤ Không tán thành	0 cổ phần, tương đương với 0 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự họp
➤ Không có ý kiến	0 cổ phần, tương đương với 0 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự họp

6. Thống nhất Báo cáo số 22/BC-PHT-BKS ngày 27/3/2024 của Ban Kiểm soát về thẩm tra hoạt động SXKD năm 2024:

Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua với tỷ lệ như sau:

➤ Tán thành	7.740.951 cổ phần, tương đương với 100 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự họp
➤ Không tán thành	0 cổ phần, tương đương với 0 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự họp
➤ Không có ý kiến	0 cổ phần, tương đương với 0 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự họp

7. Thống nhất chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024 theo Tờ trình số 020/TTr-PHT-BKS ngày 20/3/2024:

Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua với tỷ lệ như sau:

➤ Tán thành	7.740.951 cổ phần, tương đương với 100 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự họp
➤ Không tán thành	0 cổ phần, tương đương với 0 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự họp
➤ Không có ý kiến	0 cổ phần, tương đương với 0 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự họp

8. Thông qua Kế hoạch tiền lương, thù Người quản lý công ty năm 2024 theo Tờ trình số 089/TTr-PHT-HĐQT ngày 21/3/2024:

Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua với tỷ lệ như sau:

➤ Tán thành	7.740.951 cổ phần, tương đương với 100 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự họp
➤ Không tán thành	0 cổ phần, tương đương với 0 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự họp
➤ Không có ý kiến	0 cổ phần, tương đương với 0 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự họp

9. Chấp thuận Dự thảo Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch và bản thỏa thuận với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn (đính kèm Dự thảo hợp đồng) có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất – theo như Tờ trình số 086/TTr-PHT-HĐQT ngày 01/3/2024:

Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua với tỷ lệ như sau:

➤ Tán thành	1.356.851 cổ phần không có lợi ích liên quan, tương đương với 100 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông không có lợi ích liên quan tham dự họp
➤ Không tán thành	0 cổ phần không có lợi ích liên quan, tương đương với 0 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông không có lợi ích liên quan tham dự họp
➤ Không có ý kiến	0 cổ phần không có lợi ích liên quan, tương đương với 0 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông không có lợi ích liên quan tham dự họp

❖ Cổ đông có lợi ích liên quan không tham gia biểu quyết gồm:

- 05 thành viên đại diện vốn góp của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là 6.335.200 cổ phiếu.
- 02 thành viên Ban điều hành của Công ty sở hữu và đại diện cho tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là 48.900 cổ phiếu.

10. Thống nhất thông qua Nghị quyết Đại hội gồm các vấn đề nêu trên:

Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua với tỷ lệ như sau:

➤ Tán thành	7.740.951 cổ phần, tương đương với 100 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự họp
➤ Không tán thành	0 cổ phần, tương đương với 0 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự họp
➤ Không có ý kiến	0 cổ phần, tương đương với 0 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự họp

11. Thống nhất thông qua Biên bản Đại hội:

Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua với tỷ lệ như sau:

➤ Tán thành	7.740.951 cổ phần, tương đương với 100 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự họp
➤ Không tán thành	0 cổ phần, tương đương với 0 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự họp
➤ Không có ý kiến	0 cổ phần, tương đương với 0 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự họp

Biên bản được lập vào lúc 11 giờ 10 phút ngày 22 tháng 4 năm 2024./.

TM. ĐOÀN THƯ KÝ



Nguyễn Thị Hồng Nhung



TM. ĐOÀN CHỦ TỊCH
Chủ tịch HĐQT



Lê Thị Thanh Tâm



SAIGON WATER CORPORATION

PHUWACO

Thương hiệu cấp nước, vững bước cùng bạn!

Số: 105 /NQ-PHT-ĐHĐCĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 4 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc Hội thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức & hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Hòa Tân;

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 và các biên bản kiểm phiếu tại Đại hội ngày 22/4/2024.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh (SXKD) và Báo cáo tài chính (đã kiểm toán) năm 2023 với một số các chỉ tiêu chính:

1- Sản lượng nước tiêu thụ:	33.318.000 m ³
2- Tổng doanh thu:	413.536 triệu đồng
3- Tổng lợi nhuận sau thuế:	19.598 triệu đồng
4- Tỷ suất LNST trên vốn CSH:	16,37%

Điều 2. Thông qua chia cổ tức và phân phối lợi nhuận 2023:

A. Mức chia cổ tức:	8,0% = 800 đồng/cổ phiếu
B. Tổng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2023:	13.651.812.984 đ
- Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến năm 2022:	(5.946.623.143 đ)
- Lợi nhuận sau thuế năm 2023:	19.598.436.127 đ
C. Phân phối lợi nhuận năm 2023:	13.651.812.984 đ
- Chi cổ tức:	7.200.000.000 đ
- Trích lập các quỹ:	6.451.812.984 đ
Trong đó:	
- Quỹ đầu tư phát triển:	875.532.129 đ
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi cho người lao động:	5.187.480.855 đ
- Quỹ thưởng Người quản lý:	388.800.000 đ
D. Lợi nhuận chưa phân phối:	00 đ

Điều 3. Thông qua kế hoạch SXKD và kế hoạch tài chính năm 2024 với các chỉ tiêu chính:

1- Sản lượng nước tiêu thụ:	33.000.000 m ³
2- Tổng doanh thu:	414.200 triệu đồng
3- Tổng lợi nhuận sau thuế:	19.777 triệu đồng
4- Tỷ suất LNST trên vốn CSH:	16,43%
5- Mức cổ tức:	8,0% = 800 đồng/cổ phiếu

Điều 4. Thông qua Báo cáo số 088/BC-PHT-HĐQT ngày 18/3/2024 về hoạt động của Hội đồng Quản trị (HĐQT) năm 2023.

Điều 5. Thông qua Báo cáo số 22/BC-PHT-BKS ngày 27/3/2024 về hoạt động của Ban Kiểm soát (BKS) và kết quả giám sát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023 của Công ty.

Điều 6.

1. Thống nhất danh sách 03 đơn vị kiểm toán độc lập, gồm: (1) Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt; (2) Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC, (3); Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam.
2. Chấp thuận chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt chính thức là đơn vị thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 của Phú Hòa Tân (đính kèm dự thảo Hợp đồng);
3. Ủy quyền cho HĐQT chọn 01 trong 02 đơn vị kiểm toán độc lập còn lại trong trường hợp vì lý do hay điều kiện khách quan mà Công ty không thể ký kết Hợp đồng kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 với đơn vị kiểm toán độc lập được chọn tại mục (2) - Chuẩn Việt.

Điều 7. Thống nhất Tờ trình số 089/TTr-PHT-HĐQT ngày 21/3/2024 về tổng tiền lương kế hoạch năm 2024 của người quản lý chuyên trách là 2.592 triệu đồng; Tổng thù lao người quản lý không chuyên trách là 420 triệu đồng. Các khoản chi phí khác cho hoạt động của HĐQT, BKS được hạch toán theo thực tế. Cuối năm, căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính thực tế của Công ty sẽ quyết toán quỹ lương, thù lao thực hiện theo quy định.

Điều 8.

1. Chấp thuận Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch và Bản thỏa thuận năm 2024 với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn (Công ty mẹ) có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất theo Tờ trình số 086/TTr-PHT-HĐQT ngày 01/3/2024 (đính kèm dự thảo Hợp đồng và bản thỏa thuận).
2. Ủy quyền cho Hội đồng Quản trị chấp thuận Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch và Bản thỏa thuận với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn khi điều khoản Hợp đồng có sự điều chỉnh và giao cho Giám đốc ký kết các Hợp đồng, Bản thỏa thuận, các phụ lục điều chỉnh Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn.

Điều 9. Giao cho HĐQT, BKS, Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Hòa Tân chịu trách nhiệm chỉ đạo và tổ chức thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 10. Nghị quyết có hiệu lực thi hành kể từ khi được ĐHCĐ thông qua, ngày 22/4/2024./.

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- HĐQT, BKS, BGD;
- Phòng, Ban, Đội;
- Lưu.



BÁO CÁO

Tổng kết hoạt động SXKD 2023 - Kế hoạch SXKD năm 2024

Kính gửi: Quý cổ đông

I. Kết quả thực hiện chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2023:

1. Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2023:

CHỈ TIÊU	ĐVT	THỰC HIỆN NĂM 2022	KẾ HOẠCH NĂM 2023	THỰC HIỆN NĂM 2023		CHÊNH LỆCH SỐ VỚI KẾ HOẠCH NĂM 2023
				KHỐI LƯỢNG	%	
A- KINH DOANH:						
1- Nước tiêu thụ	1.000m ³	31.740	32.700	33.318	101,89	+ 618
2- Doanh thu tiền nước	tr đồng	369.380	384.029	395.641	103,02	+ 11.612
3- Giá bán bình quân	đồng/m ³	11.638	11.744	11.875	101,12	+ 131
4- Thay định kỳ ĐHN cỡ nhỏ	cái	17.174	17.900	18.234	101,87	+ 334
5- Thay định kỳ ĐHN cỡ lớn	cái	46	17	34	200,00	+ 17
6- Gắn mới ĐHN	cái	157	70	106	151,43	+ 36
7- % thất thoát nước bình quân	%	13.06	13,70	4,81		- 8,89
B- ĐẦU TƯ XÂY DỰNG:						
1- Thay mới ống mục	mét	5.125	11.168	11.168	100,00	0

(* Tỷ lệ thất thoát nước trên có bao gồm lượng nước truy thu, súc xả công trình.

2. Đánh giá kết quả thực hiện:

a) Về kinh doanh nước sạch:

Năm 2023, sau đại dịch covid-19, chiến tranh và căng thẳng địa chính trị đã làm suy thoái kinh tế toàn cầu, làm giảm đơn hàng xuất khẩu của các doanh nghiệp tại Tp. Hồ Chí Minh, dẫn đến suy giảm sản xuất kinh doanh, thất nghiệp gia tăng ... ảnh hưởng đến nhu cầu tiêu thụ nước của khách hàng trên địa bàn Công ty.

Trong bối cảnh kinh tế khó khăn, với tinh thần phấn đấu hoàn thành kế hoạch năm 2023 của toàn thể người lao động, Công ty đã đạt kết quả sản xuất kinh doanh năm 2023 đáng khích lệ như sau:

- Lượng nước tiêu thụ của Công ty năm 2023 đạt 101,87% kế hoạch, vượt kế hoạch hơn 0,6 triệu m³, tăng hơn 1,6 triệu m³ so với lượng nước tiêu thụ năm 2022.
- Tiêu thụ bình quân hàng tháng của khách hàng năm 2023 đạt 30,74 m³/ĐHN/tháng, cao hơn mức bình quân 29,31 m³/ĐHN/tháng của năm 2022.
- Doanh thu tiền nước của Công ty năm 2023 đạt 103,02% kế hoạch, vượt hơn 12 tỷ đồng so với kế hoạch, cao hơn 27 tỷ đồng so với doanh thu tiền nước năm 2022.
- Giá bán bình quân tiền nước năm 2023 đạt 101,12% kế hoạch, vượt kế hoạch 131 đồng/m³, cao hơn 237 đồng/m³ so với giá bán bình quân năm 2022.
- Tỷ lệ thực thu tiền nước đạt mức cao: 99,10%.
- Tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch được giữ vững 100% trên địa bàn, với tổng số 90.309 khách hàng cuối năm 2023, nhiều hơn 24 khách hàng cuối năm 2022.
- Công tác thay định kỳ ĐHN cỡ nhỏ đạt 101,87% kế hoạch, thay định kỳ ĐHN cỡ lớn đạt 200% so với kế hoạch 2023.
- Năm 2023, Công ty đã thực hiện nhiều nghiệp vụ kinh doanh như:
 - + Thực hiện cập nhật mã định danh của khách hàng vào cơ sở dữ liệu, làm căn cứ để điều chỉnh định mức nước cho khách hàng.
 - + Yêu cầu 1.643 khách hàng làm mất ĐHN, làm bể kính ĐHN hoặc làm đứt chì ĐHN ... đóng tiền thay ĐHN mới.
 - + Bấm chì khóa góc 906 ĐHN khách hàng sau khi thực hiện các dự án cải tạo ống mục, gắn mới, nâng dờn, đổi cỡ ĐHN ...
 - + Nâng dờn 1.090 ĐHN do khách hàng xây sửa nhà hoặc ở vị trí khuất lấp.
 - + Thương lượng giảm cỡ 40 ĐHN khách hàng có lượng nước tiêu thụ thấp hơn cỡ ĐHN đang sử dụng, giúp cho lượng nước tiêu thụ được đo đếm chính xác và giảm chi phí thay ĐHN cỡ lớn.
 - + Mở nước cho 21 khách hàng nợ tiền nước đã thanh toán hơn 140 triệu đồng, xin sử dụng nước lại.
 - + Gắn mới 106 ĐHN cho khách hàng có nhu cầu sử dụng nước, cắt hủy 92 danh bộ ĐHN chủ yếu do nhà khách hàng 2 căn cùng 1 chủ, xin hủy bớt ĐHN.
 - + Thay định kỳ 18.268 ĐHN hết niên hạn sử dụng.
 - + Truy thu sử dụng nước 245 trường hợp, với khối lượng 94.174 m³ nước, số tiền gần 2 tỷ đồng.
 - + Truy thu giá biểu, định mức 1.087 trường hợp, với số tiền truy thu gần 6,7 tỷ đồng.
 - + Truy thu nhà thầu thi công công trình hạ tầng làm bể ống cấp nước 3 trường hợp, bồi thường 68 m³ nước ...

b) Ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động chăm sóc khách hàng và quản lý SXKD:

- Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Hòa Tân đã tập trung nguồn lực hiện có tại Công ty để phối hợp trong công tác nâng cấp được cơ sở hạ tầng công nghệ công tin, hiện tại đã

đáp ứng nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cả về số lượng lẫn chất lượng.

- Các phần mềm ứng dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh cũng đã được triển khai tới các phòng ban, hỗ trợ tối đa trong công tác quản lý, góp phần đổi mới ngành cấp nước bằng ứng dụng công nghệ thông tin, có thể kể đến như: áp dụng ký Hợp đồng dịch vụ cấp nước bằng chữ ký điện tử. Từng bước số hoá hồ sơ, tiến tới việc lưu trữ không giấy tờ, xây dựng hệ thống S-office để tiếp nhận, triển khai và báo cáo công việc của chính quyền, Đảng bộ và Công đoàn, Đoàn thanh niên; xây dựng dashboard số liệu sản xuất kinh doanh báo cáo online về sản lượng, doanh thu, giá bán bình quân để Ban Lãnh đạo Công ty có thể theo dõi và cập nhật tình hình sản xuất kinh doanh kịp thời; số hóa dữ liệu trong công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác, thực hiện cải cách hành chính, thực hiện đề án văn phòng điện tử, số hóa văn bản giấy tờ, sử dụng chữ ký số trên văn bản, giải quyết công việc trên smartphone, ứng dụng công nghệ công tin trên smartphone và internet trong việc ký số điện tử, giải quyết công việc trực tuyến, xem dữ trực tuyến ... đã mang lại những lợi ích thiết thực, được tập thể các phòng ban trong công ty hưởng ứng tham gia, góp phần vào công cuộc cải cách hành chính tại đơn vị.
- Triển khai và ứng dụng chương trình Quản lý công việc đối với tất cả các phòng, ban, đội. Từ đó, các hồ sơ khách hàng được cập nhật và theo dõi tiến độ một cách đầy đủ và chính xác. Thường xuyên nâng cấp phần mềm theo nhu cầu của công việc, điển hình như: phần mềm quản lý cấp định mức nước bằng số định danh và tích hợp với chương trình quản lý định mức nước của Tổng Công ty.
- Ứng dụng Zalo Official vào công tác khách hàng: sử dụng tin nhắn ZNS trong công tác thông báo hoá đơn nợ, thông báo hoá đơn đã thanh toán, thông báo lịch thay đồng hồ nước định kỳ, thông báo định mức nước lưu trú đến thời gian gia hạn, thông báo chuyển giá nước, thông báo mời khách hàng thanh toán chi phí gắn mới, nâng dời đồng hồ nước ...
- Tiếp tục vận hành tổng đài điện thoại chăm sóc khách hàng 1900.1019 và phần mềm call center nhằm nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng. Tổng đài điện thoại được vào sử dụng nhằm tiếp nhận các cuộc gọi đến từ phía khách hàng, qua đó trực tiếp giải đáp thắc mắc và tiếp nhận các yêu cầu của khách hàng. Thực hiện cấp định mức nước cho khách hàng bằng số định danh và căn cước công dân. Nâng cấp phần mềm quản lý cấp định mức nước để phù hợp với luật cư trú mới, đa dạng hóa cách thức nhận hồ sơ đăng ký định mức nước sinh hoạt của khách hàng thông qua zalo, website.
- Ban hành đề án xây dựng Trung tâm vận hành mạng lưới cấp nước PWNOC, đưa vào sử dụng phần mềm GIS quản lý tài sản, ứng dụng GIS quản lý sự cố điểm bẻ, nâng cấp hệ thống SCADA phục vụ công tác giám thất thoát nước ...

3. Kết quả đầu tư xây dựng năm 2023:

Công ty đã nỗ lực hoàn thành 100% khối lượng công trình xây dựng cơ bản, hoàn thành 100% chỉ tiêu thi đua của Tổng Công ty giao về giá trị khối lượng và giá trị giải ngân năm 2023.

4. Kết quả thực hiện kế hoạch giảm nước thất thoát năm 2023:

- Tỷ lệ thất thoát nước bình quân năm 2023 đạt 4,81%, thấp hơn 8,89% so với kế hoạch năm 2023 là 13,7%, giảm 8,25% so thực hiện với năm 2022 (13,06%).

- Để đạt được kết quả trên, Công ty đã thực hiện nhiều công tác nhằm giảm thất thoát nước như:
 - + Vệ sinh 68 van giảm áp và lưới lọc hàm đồng hồ tổng, vệ sinh 68 bộ năng lượng mặt trời trên hàm đồng hồ tổng, sửa chữa kiểm định 11 đồng hồ ABB, thay pin cho 42 thiết bị mạng.
 - + Kiểm định và sửa lỗi dữ liệu 27 DMA.
 - + Thay thế 33 Datalogger, 40 mặt hiển thị ABB Aquamaster4, lắp đặt 10 bộ năng lượng mặt trời và bộ mạch điều khiển tự động ...
 - + Công ty tập trung tăng cường công tác đóng van bước và dò bể ngầm để nhanh chóng phát hiện và sửa chữa các điểm bể trong mạng lưới.
 - + Năm 2023, số điểm bể sửa được 2.190 điểm, tăng 357 điểm bể sửa được so với năm 2022, trong đó có 1.513 điểm bể nổi (chiếm tỷ lệ 69,09%) và 677 điểm bể ngầm (chiếm tỷ lệ 30,91%).
 - + Trong năm 2023, Công ty đã phát hiện và sửa chữa kịp thời các điểm bể lớn trên ống phân phối, góp phần làm giảm tỷ lệ thất thoát nước như :
 - ✓ Trước nhà 208 Sư Vạn Hạnh, P.2, Q.10: giảm thất thoát nước 150 m³/ngày.
 - ✓ Trước nhà 519 Hòa Hảo, P.7, Q.11: giảm thất thoát nước 140 m³/ngày.
 - ✓ Đầu hẻm 594 Sư Vạn Hạnh, P.10, Q.10: giảm thất thoát nước 110 m³/ngày ...
 - + Công ty duy trì công tác giám sát các đơn vị ngầm hóa lưới điện, viễn thông, nâng cấp đường, hẻm để kịp thời sửa chữa khi có bể xảy ra. Công ty khuyến khích nhân viên và người dân thông báo đến công ty khi phát hiện điểm bể.

5. Các sáng kiến, giải pháp của người lao động được công nhận năm 2023:

Các sáng kiến, giải pháp cải tiến nâng cao năng suất lao động và chất lượng công việc mà Công ty quan tâm khuyến khích trong năm là:

STT	Tên đề tài	Giải pháp / Sáng kiến	Giấy khen
1	Bộ điều khiển áp lực tự động	Sáng kiến	cấp Tổng Công ty
2	Xây dựng phần mềm tổng thể quản lý công tác đồng hồ nước và chỉ số nước tiêu thụ của khách hàng, công tác nghiệp vụ Phòng Kinh doanh	Sáng kiến	cấp Tổng Công ty
3	Giải pháp tạm ngưng cung cấp nước đồng hồ nước 15mm bằng nút bít joint cao su đặc chế	Sáng kiến	cấp Tổng Công ty
4	Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý hồ sơ thay đổi cỡ đồng hồ nước, hỗ trợ công tác chống thất thoát nước vô hình tại đơn vị	Giải pháp	cấp Tổng Công ty
5	Phần mềm quản lý thiết bị vận hành	Sáng kiến	cấp Công ty

STT	Tên đề tài	Giải pháp / Sáng kiến	Giấy khen
6	Công cụ tính thu bổ sung chênh lệch tiền nước	Sáng kiến	cấp Công ty
7	Đơn giản hóa thủ tục và rút ngắn quy trình trong công tác dịch vụ khách hàng	Giải pháp	cấp Công ty
8	Đổi mới trong công tác Xây dựng Đoàn bằng Khai thác ứng dụng Văn phòng điện tử trong công tác Đoàn vụ	Giải pháp	cấp Công ty
9	Báo cáo Thống kê số liệu hóa đơn và thu tiền	Giải pháp	cấp Công ty

Để nâng cao kỹ năng làm việc cho người lao động, trong năm 2023 Công ty đã tổ chức những lớp bồi dưỡng như:

- Tổ chức lớp Kỹ năng giao tiếp khách hàng cho 110 người lao động thường xuyên tiếp xúc với khách hàng;
- Tổ chức lớp Kiến thức pháp luật cho 105 người lao động;
- Tổ chức lớp Văn thư lưu trữ cho 60 lao động văn phòng

II. Kế hoạch SXKD năm 2024:

Căn cứ kết quả thực hiện năm 2023, xét khả năng phấn đấu của Công ty trong năm 2024, Công ty xây dựng kế hoạch SXKD năm 2024 như sau:

CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH NĂM 2023	THỰC HIỆN NĂM 2023		KẾ HOẠCH 2024
			KHỐI LƯỢNG	% SO VỚI KẾ HOẠCH	
A- KINH DOANH:					
1- Nước tiêu thụ	1.000m ³	32.700	33.318	101,89	33.000
2- Thu tiền nước	tr đồng	384.029	395.641	103,02	394.020
3- Giá bán bình quân	đồng/m ³	11.744	11.875	101,12	11.940
4- Thay định kỳ ĐHN cỡ nhỏ	cái	17.900	18.234	101,87	18.500
5- Thay định kỳ ĐHN cỡ lớn	cái	17	34	200,00	21
6- Gắn mới ĐHN	cái	70	106	151,43	70
7- % thất thoát nước bình quân	%	13,70	4,81		12,50
B- ĐẦU TƯ XÂY DỰNG:					
1- Thay mới ống mục	mét	11.168	11.168	100,00	12.839

- (1) Do thay đổi chu kỳ đọc số năm 2023 làm tăng sản lượng tiêu thụ gần 600.000 m³, chỉ tiêu kế hoạch Nước tiêu thụ năm 2024 phần đầu tăng 300.000 m³ so với năm 2023, đạt 33 triệu m³.
- (2) Tỷ lệ thất thoát nước trên có bao gồm lượng nước truy thu, súc xả công trình.

III. Biện pháp thực hiện kế hoạch năm 2024:

1. Về kinh doanh nước sạch:

- Tập trung phần đầu hoàn thành chỉ tiêu lượng nước tiêu thụ năm 2024 là 33 triệu m³ thông qua nhiều biện pháp nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng, tuyên truyền tác hại của việc sử dụng nước giếng, bảo đảm đáp ứng nhu cầu sử dụng nước của khách hàng ...
- Tăng cường tiếp cận ĐHN khách hàng để phản ánh đúng sản lượng tiêu thụ. Giải quyết triệt để các trường hợp code F5 (nhà đóng cửa không ở).
- Rà soát, kiểm tra các địa chỉ có định mức cao nhưng tiêu thụ thấp.
- Tiếp tục kiểm tra tiêu thụ bất thường, những đồng hồ nước có tiêu thụ từ 0-4m³.
- Sớm hoàn thành cập nhật mã định danh của khách hàng vào cơ sở dữ liệu trong năm 2024, làm cơ sở để điều chỉnh định mức nước cho khách hàng.
- Tiếp tục rà soát, kiểm tra tiêu thụ thực tế và thỏa thuận với khách hàng về việc nâng, hạ cỡ ĐHN cho phù hợp với thực tế tiêu thụ.
- Tăng cường công tác kiểm tra nhằm phát hiện, xử lý kịp thời và triệt để các trường hợp gian lận trong sử dụng nước, tiêu thụ bất thường, sai giá biểu, sai định mức ...
- Kiểm tra, tiến hành bám chỉ các trường hợp ĐHN có chỉ bị mục, đứt ...
- Thống kê những khu vực kinh doanh có tiêu thụ nước cao để điều tiết áp lực phù hợp nhằm tăng sản lượng tiêu thụ.
- Kiểm tra và cho nâng, dời, cải tạo ống nhánh ... đối với những ĐHN bị lắp, vị trí sai quy định, ống nhánh không đúng kỹ thuật, không đọc được chỉ số.
- Tiếp tục hoàn thiện rút gọn các quy trình thủ tục, cải cách hành chính trong việc phục vụ khách hàng. Hoàn thiện hệ thống tiếp nhận hồ sơ yêu cầu, khiếu nại trực tuyến, tương tác trực tuyến với khách hàng ...
- Tiếp tục ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin vào mọi mặt hoạt động sản xuất kinh doanh và chăm sóc khách hàng của Công ty.
- Phát động các phong trào thi đua hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024.

2. Về giảm nước thất thoát thất thu:

- Tập trung lực lượng dò bể những DMA có lượng nước thất thoát trên 120m³/ngày.
- Ưu tiên dò bể các tuyến đường, hẻm đang tồn tại các đoạn ống cũ, có tần suất bể cao.
- Đối với các DMA có tỷ lệ thất thoát ượng nước thất thoát dưới 120m³/ngày thì theo dõi sản lượng đồng hồ thường xuyên để duy trì và kiểm hãm.
- Phân công các nhóm tăng cường công tác đóng van bước, thay phiên dò bể ban đêm kết hợp thám sát cống và kiểm tra lại vào ban ngày tại các khu vực của DMA đang có thất thoát cao.

- Phối hợp với các phường, quận để triển khai đồng bộ công tác sửa chữa giám thất thoát nước đồng bộ với các công trình nâng cấp hèm.
- Phối hợp thường xuyên với Xí nghiệp Truyền Dẫn Nước Sạch và các đơn vị liên quan thường xuyên theo dõi sản lượng đồng hồ tổng mua bán si nước sạch, kiểm tra hệ thống ống cấp 2 sau đồng hồ tổng mua bán si nước sạch khi có sự cố.
- Kiểm tra, khắc phục các đồng hồ tổng DMA có sản lượng bất thường, tránh ảnh hưởng đến sản lượng đo đếm và lượng nước thất thoát trong DMA.
- Thay ĐHN cỡ lớn bằng ĐHN điện từ, siêu âm; ưu tiên trường học, bệnh viện, chung cư ...
- Duy tu, bảo dưỡng thường xuyên các đồng hồ tổng, thiết bị van giảm áp trên mạng lưới nhằm đáp ứng kịp thời công tác giám thất thoát nước tại Công ty.
- Nhanh chóng giải quyết các đồng hồ DMA, các logger bị hư hỏng, tránh ảnh hưởng đến công tác theo dõi sản lượng, áp lực của Công ty.
- Lập kế hoạch thay thế các thiết bị đã sử dụng nhiều năm trên mạng.
- Triển khai thực hiện các công trình xây dựng cơ bản theo kế hoạch năm 2024.
- Tiếp tục xây dựng, cập nhật thường xuyên phần mềm PhuwaGIS trong công tác quản lý mạng lưới, quản lý tài sản, cập nhật thông tin về sự cố trên mạng lưới cấp nước, phân loại, xác định nguyên nhân bề, vật liệu ống, năm lắp đặt.... Từ đó phân tích, có kế hoạch sửa chữa, cải tạo ống cũ mục kịp thời, có chọn lọc.
- Tiếp nhận thông tin phản ánh của khách hàng, xử lý, giải quyết trong thời gian nhanh nhất. Công ty sẽ thông báo đến khách hàng nhanh chóng và kịp thời về trường hợp cúp nước (qua Website, Zalo...) để khách hàng chủ động dự trữ nước phục vụ sinh hoạt và sản xuất kinh doanh.

3. Về công tác khối Kinh doanh:

- Nhằm tiếp tục hoàn thiện hơn công tác chuyên môn và quản lý của khối Kinh doanh; nhằm động viên, khuyến khích người lao động tăng năng suất lao động, gắn hiệu quả lao động với tiền lương, đồng thời, phù hợp với mục tiêu doanh nghiệp hoạt động hiệu quả, tinh gọn nhân sự, Công ty sẽ tiến hành việc khoán lương năng suất cho bộ phận Kinh doanh của Công ty.
- Với chủ trương trên, Công ty sẽ thực hiện việc xây dựng định mức khoán cho công tác Biên đọc đồng hồ nước và nhắc nợ khách hàng cho 02 phòng Kinh doanh. Đồng thời, cũng xây dựng Quy chế tạm thời về Thí điểm trả lương theo sản phẩm được áp dụng cho 02 Phòng.
- Việc triển khai áp dụng khoán lương trên sẽ tiến hành trong năm 2024, thực hiện thí điểm trong thời gian từ 03 đến 06 tháng. Sau đó, sẽ tổng hợp, đánh giá lại để xem xét điều chỉnh phù hợp tình hình thực tế đơn vị.

4. Về công tác nhân sự, tiền lương:

- Thực hiện chủ trương về việc thành lập Ban Kiểm toán nội bộ, cũng như căn cứ tình hình thực tế tại đơn vị hiện nay, với sự điều chỉnh, bổ sung về nhân sự, chức năng,

nhiệm vụ một số Phòng, Ban, Đội (do sáp nhập Đội Thu tiền vào Đội Quản lý Đồng hồ nước, thành lập Phòng Dịch vụ Khách hàng, Phòng Kiểm tra Kiểm soát trên cơ sở tách ra từ Phòng Thương vụ ...), Công ty sẽ tiến hành điều chỉnh, sửa đổi Quy chế trả lương, trả thưởng cho người lao động.

- Việc điều chỉnh, sửa đổi Quy chế trả lương, trả thưởng cho người lao động chủ yếu gồm các nội dung chính sau:
 - + Bổ sung chức danh Trưởng ban Kiểm toán nội bộ.
 - + Bổ sung nhóm lương cho Tổ trưởng, điều chỉnh lương năng suất cho Tổ trưởng chưa có bằng đại học.
 - + Điều chỉnh một số chức danh “Công nhân” sang “Nhân viên” (khỏi lao động trực tiếp).

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Kiểm soát Công ty;
- P.KHĐT TCT;
- Lưu HC, KHĐT.



GIÁM ĐỐC

Lương Văn Hòa

Số : 093/BC-PHT-HĐQT

TP. HCM, ngày 29 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO THỰC HIỆN KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH NĂM 2023

Kính gửi : Quý Cổ đông

ST T	CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN	TỶ LỆ %
			NĂM 2023	NĂM 2023	TH/KH
			1	2	3=2/1
1	Sản lượng nước tiêu thụ	m ³	32.700.000	33.317.601	101,89
2	Tổng doanh thu	Tr.đồng	389.052	413.536	106,29
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Tr.đồng	11.825	19.598	165,74
4	Tỷ suất LNST trên vốn CSH	%	9,89	16,37	165,55
5	Mức cổ tức (đ/CP)	đồng	700	800	114,29

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Chủ tịch



Lê Thị Thanh Tâm

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán

Kính gửi : Quý Cổ đông

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Hòa Tân đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC.

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2024 về việc Báo cáo tài chính năm 2023 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán, được Ban kiểm soát Công ty tiến hành thẩm tra thông qua và đã được Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Hòa Tân công bố thông tin theo quy định. Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán bao gồm các nội dung như sau:

1. Báo cáo của Ban Giám đốc;
2. Báo cáo Kiểm toán độc lập;
3. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023;
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023;
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm 2023;
6. Thuyết minh báo cáo tài chính năm 2023.

(Các nội dung chi tiết của Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán đã được đăng tải trên website: www.phuwaco.com.vn)

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét và thông qua./.



TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Chủ tịch

Lam
Lê Thị Thanh Tâm

Số: 094/TTr-PHT-HĐQT

TP. HCM, ngày 29 tháng 03 năm 2024

TỜ TRÌNH
VỀ VIỆC THÔNG QUA KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH NĂM 2024

Kính gửi: Quý Cổ đông

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Hòa Tân được Đại hội đồng Cổ đông chính thức thông qua;

Căn cứ báo cáo dự kiến Kế hoạch tài chính năm 2024 số 233/PHT-KTTC ngày 04/3/2024 của Ban điều hành Công ty.

Hội đồng Quản trị kính trình trước Đại hội đồng Cổ đông về việc thông qua các chỉ tiêu Kế hoạch tài chính năm 2024 như sau:

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	THỰC HIỆN NĂM 2023	KẾ HOẠCH NĂM 2024	TỶ LỆ % KH/TH
			1	2	3=2/1
1	Sản lượng nước tiêu thụ	m3	33.317.601	33.000.000	99,05
2	Tổng doanh thu	Tr.đồng	413.536	414.200	100,16
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Tr.đồng	19.598	19.777	100,91
4	Tỷ suất LNST trên vốn CSH	Tr.đồng	16,37	16,43	100,36
5	Mức cổ tức (đ/CP)	đồng	800	800	100,00

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch



Lê Thị Thanh Tâm

Số: 095/TTr-PHT-HĐQT

TP. HCM, ngày 29 tháng 03 năm 2024

TỜ TRÌNH

Về việc phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ, chia cổ tức năm 2023

Kính gửi: Quý Cổ đông

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Hòa Tân được Đại hội đồng Cổ đông chính thức thông qua;

Căn cứ Báo cáo dự kiến phân phối lợi nhuận năm 2023 số 231/PHT-KTTC ngày 04/3/2024 của Ban điều hành Công ty.

Hội đồng Quản trị kính trình trước Đại hội đồng Cổ đông về việc thông qua nội dung phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2023 như sau:

STT	Các chỉ tiêu	Thành tiền (đ)	Tỷ lệ (%)
1	Tổng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2023:	13.651.812.984	100,00
-	Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến năm 2022: (*)	(5.946.623.143)	(43,56)
-	Lợi nhuận sau thuế năm 2023	19.598.436.127	143,56
2	Phương án phân phối lợi nhuận năm 2023:		-
a	Chia cổ tức năm 2023 :	7.200.000.000	52,74
-	Tỷ lệ chia cổ tức bằng tiền	8%	
-	Chia cổ tức	7.200.000.000	
b	Trích lập các quỹ :	6.451.812.984	47,26
-	Quỹ đầu tư phát triển	875.532.129	6,41
-	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	5.187.480.855	38,00
-	Quỹ thưởng người quản lý	388.800.000	2,85
3	Tổng lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi phân phối: (3=2-1)	-	-

Ghi chú:

Chỉ tiêu lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến năm 2022 đã được rà soát và thực hiện điều chỉnh hồi tố tiếp theo kết quả Kiểm toán Nhà nước tại thông báo số 1706/TB-KV IV ngày 30/12/2022. Số liệu trước khi điều chỉnh là: 5.190.221.827 đồng, giảm 11.136.844.970 đồng.



Lê Thị Thanh Tâm



SAIGON WATER CORPORATION

PHUWACO

Thương hiệu cấp nước, vững bước cùng bạn!

Số: 088 /BC-PHT-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO

HOẠT ĐỘNG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2023 & PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2024

Hội đồng quản trị (HĐQT) nhiệm kỳ IV (2022 – 2027) có tổng cộng 6 người, gồm 1 Chủ tịch chuyên trách và 5 thành viên kiêm nhiệm. Bà Lê Thị Thanh Tâm, giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT, các thành viên: Ông Dương Văn Hòa kiêm Giám đốc, Ông Nguyễn Thanh Sử, Ông Vương Vũ, Ông Lê Hoàng Sơn và Ông Võ Tấn Bảo Quang.

Các thành viên HĐQT đã nỗ lực thực hiện tốt công tác quản trị điều hành, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2023 mà Đại hội đồng cổ đông đề ra.

HĐQT xin báo cáo Đại hội kết quả hoạt động quản trị, điều hành năm 2023 và cũng là năm thứ hai của nhiệm kỳ IV (2022 – 2027) như sau:

I/. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2023:

Năm 2023, sau 02 năm khắc phục khó khăn do đại dịch Covid-19, các hoạt động kinh tế xã hội trên địa bàn Thành phố từng bước phục hồi và trên đà phát triển tích cực. Tuy nhiên, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn Thành phố không đạt như kỳ vọng, nên ít nhiều tác động đến nhu cầu tiêu thụ nước của khách hàng Công ty.

Trong bối cảnh trên, để thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch SXKD đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua là một thách thức không nhỏ đối với Ban Điều hành cùng tập thể người lao động Công ty. Nhưng với tinh thần luôn chủ động, nỗ lực, phấn đấu của tập thể ban lãnh đạo cùng toàn thể người lao động, với những giải pháp hiệu quả cả về lượng và chất đã mang lại lợi nhuận cao cho Công ty nhưng vẫn đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị. Kết quả thực hiện cuối năm, tất cả các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh, tài chính Công ty đều đạt và vượt kế hoạch đề ra. Từ những kết quả đạt được như trên, Công ty sẽ trình Đại hội đồng cổ đông trả cổ tức năm 2023 là 800 đồng/cổ phiếu đạt 114,29% kế hoạch.

1. Lãnh đạo thực hiện các chỉ tiêu:

- Sản lượng nước cung cấp: đạt 101,89% so với kế hoạch, tăng 4,99% so với năm 2022.
- Doanh thu tiền nước: đạt 102,89% so với kế hoạch, tăng 7,08% so với năm 2022.
- Tỷ lệ thất thoát nước cuối năm 2023 giảm sâu còn 4,81%, giảm 8,89% so với kế hoạch năm 2023; giảm 8,25% so với thực hiện năm 2022.
- Tổng doanh thu: đạt 106,29% so với kế hoạch, tăng 9,42% so với năm 2022.
- Lợi nhuận sau thuế: đạt 165,74% so với kế hoạch, tăng 66,19% so với năm 2022.

- Tỷ lệ chia cổ tức dự kiến: 800 đồng/cổ phiếu đạt 114,29% so với kế hoạch

2. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

2.1 Cơ cấu và hoạt động của HĐQT:

HĐQT có tổng cộng 6 người, gồm 1 Chủ tịch chuyên trách và 5 thành viên kiêm nhiệm, trong đó:

- + 05 thành viên là đại diện vốn góp của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn.
- + 01 thành viên là đại diện vốn góp của Ngân hàng TMCP Đông Á.
- + Số thành viên HĐQT không điều hành: 4 người.

2.2 Giám sát hoạt động của Giám đốc và Ban điều hành:

- HĐQT thường xuyên nhận được báo cáo và chỉ đạo việc rà soát, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính và định hướng thực hiện kế hoạch cho phù hợp với tình hình thực tế của Công ty. Định hướng Ban giám đốc trong công tác quản lý điều hành cũng như phối hợp với Ban Kiểm soát Công ty, đảm bảo tuân thủ các quy định Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các Quy định pháp luật hiện hành. Từng quý, Ban Giám đốc báo cáo kết quả công việc:

- + Thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch ĐHCĐ đề ra.
- + Thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT đã ban hành.
- + Chủ động xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh, đề ra những biện pháp, giải pháp tích cực để thực hiện tốt nhất nhiệm vụ sản xuất kinh doanh.

- Chỉ đạo và giám sát công tác công bố thông tin định kỳ và bất thường theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

- Chỉ đạo và giám sát việc tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

- HĐQT đánh giá Ban điều hành hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

2.3 Các phiên họp và việc thực hiện Nghị quyết của HĐQT:

Hoạt động của HĐQT trong năm 2023 đảm bảo tuân thủ theo Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty đã ban hành và các quy định khác của pháp luật trong việc quản lý, điều hành đơn vị.

Trong năm 2023, HĐQT đã điều hành hoạt động của Công ty thông qua 04 phiên họp HĐQT để ban hành 06 Nghị quyết liên quan đến công tác quản lý, điều hành thuộc thẩm quyền của HĐQT. Các Nghị quyết của HĐQT ban hành đều có sự thống nhất cao, cung cấp đầy đủ kịp thời cho Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc.

Các phiên họp được thực hiện theo đúng thủ tục quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn có liên quan, đúng Quy chế Quản trị nội bộ Công ty và có sự giám sát của Ban Kiểm soát Công ty. Tất cả các vấn đề cần biểu quyết đều nhận được sự nhất trí cao của các thành viên HĐQT.

Nội dung chủ yếu của các phiên họp HĐQT gồm:

- Báo cáo SXKD, tài chính thực hiện hàng quý, 6 tháng, năm; Các chỉ tiêu kế hoạch.
- Các nội dung liên quan đến hợp đồng mua bán sỉ nước sạch giữa Công ty với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn.
- Các nội dung liên quan đến việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên.
- Các nội dung liên quan đến lương, thưởng, phúc lợi người lao động.
- Các nội dung liên quan đến công tác quản lý, điều hành khác.

2.4 Tiền lương, thù lao và các khoản lợi ích khác của HĐQT năm 2023:

Chế độ tiền lương, thù lao HĐQT được thực hiện theo quy định tại Nghị định 53/2016/NĐ-CP và Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH về thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của nhà nước. Các khoản thù lao, tiền thưởng, phúc lợi khác được thực hiện theo quy định của Công ty (và được báo cáo chi tiết tại báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán).

II/. KẾ HOẠCH KINH DOANH VÀ PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2024:

Năm 2024, kinh tế Thành phố được dự đoán đang trên đà hồi phục ổn định và khởi sắc hơn năm 2023, dù khó khăn, thách thức vẫn còn. Đây cũng là tín hiệu khả quan và thuận lợi hơn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2024 trên cơ sở kết quả đã đạt được trong năm 2023.

Vì vậy, HĐQT đề ra các mục tiêu sau:

- Phối hợp chỉ đạo, hỗ trợ Ban điều hành thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch tài chính năm 2024 được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Tập trung chỉ đạo hoạt động có hiệu quả, tiết kiệm nhân lực, tăng năng suất lao động qua việc thí điểm khoán lương năng suất cho bộ phận Kinh doanh.
- Lãnh đạo thực hiện tốt công tác cấp nước an toàn, công tác giảm nước thất thoát, xây dựng tỷ lệ thất thoát nước kinh tế đảm bảo vốn đầu tư hợp lý.
- Tiếp tục lãnh đạo triển khai thực hiện hiệu quả việc số hóa/áp dụng công nghệ thông tin vào các hoạt động SXKD của Công ty giai đoạn 2021 – 2025. Trong đó, khai thác tối ưu hóa tiện ích của Trung tâm Vận hành Mạng lưới Cấp nước (PWNOC).
- Cải cách hành chính, nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng.

Trên cơ sở định hướng phát triển Công ty và mục tiêu trên, HĐQT Công ty đã đề ra 03 công tác trọng tâm của năm 2024, cụ thể như sau:

1. Tăng cường quản lý hệ thống mạng lưới cấp nước và nâng cao chất lượng nước thông qua Trung tâm Vận hành Mạng lưới Cấp nước:

Tối ưu hóa các thiết bị thông minh trên mạng lưới cấp nước. Đảm bảo áp lực nước, chất lượng nước cung cấp ổn định và liên tục trên toàn hệ thống góp phần tăng sản lượng nước tiêu thụ, tăng doanh thu.

Thực hiện đầu tư đạt hiệu quả cao nhất cho công tác giảm thất thoát nước.

2. Cải cách hành chính, nâng cao chất lượng dịch vụ cấp nước, phục vụ khách hàng:

Hoàn thành công tác phủ kín mạng lưới cấp nước, bảo đảm mọi khách hàng có nhu cầu gắn ĐHN đều được đáp ứng. Đồng thời, cải cách hành chính, nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng và giữ vững mục tiêu cấp nước liên tục, an toàn đáp ứng nhu cầu sử dụng nước sạch của cộng đồng.

3. Nâng cao hiệu quả hoạt động:

Tích cực phát huy tối đa tính sáng tạo của từng cán bộ, người lao động, áp dụng kỹ thuật công nghệ thông qua việc đầu tư, triển khai thực hiện hiệu quả việc số hóa/áp dụng công nghệ thông tin vào các hoạt động SXKD của Công ty giai đoạn 2021 – 2025.

Tập trung chỉ đạo, giám sát thường xuyên việc thực hiện kế hoạch SXKD. Đồng thời, hỗ trợ Ban Điều hành Công ty tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc để quyết định và xử lý kịp thời những vấn đề phục vụ cho sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất.

HĐQT Công ty mong muốn tiếp tục nhận được sự tin tưởng và gắn bó của Quý cổ đông, góp phần vào sự phát triển ổn định, lâu dài của Công ty.

Trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- TV HĐQT, BKS, BGD;
- Cổ đông;
- Lưu: TK.





Số: 22 /BC-PHT-BKS

BÁO CÁO

HOẠT ĐỘNG BAN KIỂM SOÁT NĂM 2023 VÀ ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2024

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 25 tháng 5 năm 2019;
- Căn cứ Nghị quyết số 058/NQ-PHT-DHĐCĐ ngày 20 tháng 4 năm 2023 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023;

Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông tình hình hoạt động Ban Kiểm soát, kết quả hoạt động kinh doanh Công ty Cổ phần Cấp Nước Phú Hòa Tân năm 2023, định hướng hoạt động năm 2024 của Ban Kiểm soát như sau:

I. Hoạt động của Ban Kiểm soát

1. Cơ cấu tổ chức của Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát gồm có 03 thành viên, trong đó

- Ông Nguyễn Minh Đạt, Trưởng Ban Kiểm soát
- Ông Lê Trọng Thành, Thành viên BKS
- Bà Phạm Thị Phương Linh, Thành viên BKS

2. Hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2023

Căn cứ quyền hạn, nghĩa vụ và trách nhiệm của mình được quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Hòa Tân, Ban Kiểm soát thay mặt Đại hội đồng cổ đông giám sát hoạt động quản trị kinh doanh và điều hành của Công ty, đã triển khai thực hiện các nội dung công việc chủ yếu như sau:

- Kiểm tra/giám sát tình hình thực hiện và tuân thủ Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Hòa Tân, Luật Doanh nghiệp, pháp luật nhà nước của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc trong công tác quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Kiểm tra/giám sát, đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023; tình hình tài chính, cân đối vốn và quản lý dòng tiền, hiệu quả hoạt động và khả năng thanh toán nợ, tình hình quản lý và sử dụng vốn; bảo toàn và phát triển vốn; tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng quý.
- Kiểm tra/giám sát tình hình triển khai, tiến độ thực hiện và hiệu quả các dự án đầu tư, công tác đấu thầu, mua sắm.

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

- Thẩm định Báo cáo tài chính quý, năm.
- rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông; giám sát doanh nghiệp về công tác công bố thông tin về người có liên quan và giao dịch với người có liên quan.
- Kiểm tra, giám sát công tác quản lý, hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty, giám sát việc thực hiện các kiến nghị tại Biên bản các đoàn kiểm tra, kiểm toán.

II. Kết quả giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023

1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Ban Kiểm soát đã kiểm tra, giám sát tình hình triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh, đã thẩm định và thống nhất với Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2023 của Ban Giám đốc Công ty. Kết quả các chỉ tiêu thực hiện kế hoạch, như sau:

• Chỉ tiêu kinh doanh nước sạch

stt	Kinh doanh	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện 2023	Thực hiện 2022	Tỷ lệ TH/KH
1.	Sản lượng nước cung cấp	1000 m ³	32.700	33,317	31,780	101,89%
2.	Doanh thu tiền nước	tr.đồng	384.029	402,824	369,954	104,89%
3.	Tỷ lệ hộ dân được cung cấp nước sạch	%	100	100	100	100%
4.	Tỷ lệ thất thoát nước bình quân	%	13,7	5,11		Thấp hơn 8,59%

Kết quả kinh doanh Công ty đạt được chủ yếu từ hoạt động kinh doanh cung cấp nước sạch cho khách hàng trên địa bàn Quận 10, Quận 11 và Phường Phú Trung – Quận Tân Phú. Sản lượng nước cung cấp cho khách hàng, doanh thu tiền nước năm 2023 hoàn thành vượt mức kế hoạch Đại hội đồng cổ đông đề ra.

- Sản lượng nước tiêu thụ năm 2023 thực hiện đạt 33,317 triệu m³, tăng 101,89% so với kế hoạch năm 2023 tương đương 617 ngàn m³.

- Doanh thu tiền nước đạt 104,89% kế hoạch năm 2023 tăng hơn so với kế hoạch 18.795 tr.đồng, so với cùng kỳ năm 2022 tăng 32.800 tr.đồng. Năm 2023, hoạt động sản xuất kinh doanh và dịch vụ tăng trưởng mạnh, nhu cầu sử dụng nước sạch tăng cao nên sản lượng nước cung cấp tăng.

- Hộ dân được cung cấp nước sạch đạt tỷ lệ 100%, Công ty có đặc thù về địa bàn và mạng lưới đã phủ kín, công tác gắn mới ĐHN chủ yếu phát sinh từ việc chia tách bất động sản hoặc đề nghị được gắn thêm ĐHN,..

- Công ty hiện có 423 km đường ống phân phối, phân vùng quản lý qua 69 DMA và để tối ưu vận hành, quản lý Công ty đã lắp đặt 4855 van điều khiển cấp nước trên toàn tuyến. Việc sử dụng và khai thác tuyến ống mang lại hiệu quả khi tỷ lệ thất thoát nước bình quân năm 2023 giảm sâu so với cùng kỳ đạt 5,11%.

• **Chỉ tiêu về tài chính**

stt	Tài chính	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện 2023	Thực hiện 2022	Tỷ lệ TH/KH
1	Tổng doanh thu	tr.đồng	389.052	413.536	377.950	106,29%
2	Tổng chi phí	tr.đồng	373.552	387.621	363.012	103,77%
3	LN trước thuế	tr.đồng	15.500	25.915	14.938	167,2%
4	LN sau thuế	tr.đồng	11.825	19.598	11.793	166,19%
5	Cổ tức	đồng/cp	700	800	700	114,2%

- Tổng doanh thu năm 2023 đạt 413.356 tr.đồng (bao gồm từ hoạt động kinh doanh chính, nước sạch: 402.824 tr.đồng, hoạt động tài chính: 5.328 tr.đồng, doanh thu khác: 1,047 tr.đồng) bằng 106,29% kế hoạch năm, tăng 9,41% so với cùng kỳ 2022, đây là kết quả cao nhất trong những năm qua.

- Tổng chi phí Công ty thực hiện đạt 103,77% so với kế hoạch năm 2023, tương đương 387.621 tr.đồng, đạt 106,78% so với thực hiện năm 2022 363.012 tr.đồng.

- Giá vốn tiền nước giảm 1,2 tỷ (0,5%) so với cùng kỳ năm 2022. Đơn giá mua si nước sạch năm 2023 là 6.528.87 đồng/m³ tăng nhẹ so với cùng kỳ năm 2022.

- Lợi nhuận trước thuế, tổng chi phí tăng so với kế hoạch nhưng doanh thu tiền nước tăng cao 32.800 tr.đồng (tăng 8,8%) so với cùng kỳ năm 2022 nên tổng lợi nhuận kế toán trước thuế năm 2023 Công ty thực hiện đạt 25.915 tr.đồng.

- Thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2023 của Công ty là 6,316 tỷ đồng đạt 171,89% so với kế hoạch, 200,89% so với thực hiện năm 2022.

- Lợi nhuận sau thuế năm 2023 Công ty là 19.598 tr.đồng đạt 165,74% so với kế hoạch, tăng 166,19% so với thực hiện 2022.

- Nhìn chung, mọi mặt hoạt động về kinh doanh và tài chính của Công ty đều hoàn thành vượt kế hoạch đề ra, vượt xa so với cùng kỳ các năm trước.

• **Kết quả bản cân đối kế toán tại ngày 31/12/2023**

TÀI SẢN	01/01/2023 đã điều chỉnh	31/12/2023
1	5	4
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	119.802.632.517	135.673.504.947
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	35.325.111.313	47.311.613.787
2. Đầu tư tài chính ngắn hạn	61.661.243.700	65.224.475.542
3. Các khoản phải thu ngắn hạn	6.773.229.176	8.100.301.452
4. Hàng tồn kho	14.893.811.665	13.873.557.630
5. Tài sản ngắn hạn khác	1.149.236.663	1.163.556.536
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	77.425.874.517	76.603.262.042
II. Tài sản cố định	67.619.960.799	75.726.096.875
1. Tài sản cố định hữu hình	66.032.218.548	73.603.318.548
3. Tài sản cố định vô hình	1.587.742.251	2.122.778.327
IV. Tài sản dở dang dài hạn	821.312.914	877.165.167
VI. Tài sản dài hạn khác	8.984.600.804	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	197.228.507.034	212.276.766.989

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

NGUỒN VỐN		
C. NỢ PHẢI TRẢ	71.684.402.934	78.927.336.294
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	125.544.104.100	133.349.430.695
I. Vốn chủ sở hữu	125.544.104.100	133.349.430.695
1. Vốn góp của chủ sở hữu	90.000.000.000	90.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	90.000.000.000	90.000.000.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	29.697.617.711	29.697.617.711
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	5.846.486.389	13.651.812.984
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	(5.946.623.143)	(5.946.623.143)
- LNST chưa phân phối kỳ này	11.793.109.532	19.598.436.127
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	197.228.507.034	212.276.766.989

• Chỉ số về tài chính cơ bản

Chỉ số tài chính cơ bản		Kỳ này	Kỳ trước
<u>Khả năng thanh toán</u>			
Khả năng thanh toán nhanh (TS ngắn hạn - Hàng TK)/ Nợ ngắn hạn	Lần	1,54	1,46
Khả năng thanh toán nợ đến hạn (TS ngắn hạn / Nợ ngắn hạn)	Lần	1,72	1,67
<u>Tỷ suất lợi nhuận</u>			
TS lợi nhuận sau thuế/ Vốn CSH BQ (ROE)	%	15,13	8,71
TS lợi nhuận sau thuế/Doanh thu		4,74	0,17
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	9,23	0,33
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)	đồng/cp	2.178	1.310

- Hệ số bảo toàn vốn tại ngày 31/12/2023 là 1 lần. Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh có lãi và bảo toàn được vốn chủ sở hữu.

- Tại thời điểm 31/12/2023, hệ số thanh toán nhanh 1,54 lần, hệ số thanh toán nợ đến hạn đạt 1,72 lần, các hệ số này thể hiện tình hình tài chính của Công ty lành mạnh, an toàn.

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên VCSH bình quân là 15,13%, tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu là 4,74%, tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản là 9,23%. Các chỉ số này cho thấy Công ty đang hoạt động ổn định và hiệu quả.

2. Phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và chia cổ tức

- Căn cứ kết quả kinh doanh năm 2023, Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và chia cổ tức như sau:

stt	NỘI DUNG	THỰC HIỆN 2022	SAU KHI ĐIỀU CHỈNH HÒI TỐ NĂM 2022	PHƯƠNG ÁN THỰC HIỆN NĂM 2023
I	Lợi nhuận sau thuế	16.983.331.359	5.846.486.389	13.651.812.984
1	LNST chưa phân phối năm trước	5.190.221.827	5.190.221.827	(5.946.623.143)
2	LNST năm nay	11.793.109.532	656.264.562	19.598.436.127
II	Lợi nhuận phân phối	11.793.109.532	11.793.109.532	13.651.812.984
1	Chia cổ tức	6.300.000.000	6.300.000.000	7.200.000.000

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

II	Trích lập các quỹ	5.493.109.532	5.493.109.532	6.451.812.984
1	Quỹ đầu tư phát triển	-	-	875.532.129
2	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	5.104.309.532	5.104.309.532	5.187.480.855
3	Quỹ thưởng NQL	388.800.000	388.800.000	388.800.000
C	LN chưa phân phối	5.190.221.827	(5.946.623.143)	-

- Thực hiện theo Nghị quyết 079/NQ-PHT-HĐQT ngày 19/12/2023 của Hội đồng quản trị, thống nhất thanh toán tiền mua si nước sạch cho Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn theo Báo cáo số 3224/BC-PHT-KTTC ngày 07/12/2023, thực hiện điều chỉnh hồi tố dẫn đến lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2022 sau khi hồi tố là **(5.946.623.143)** đồng.

- Lợi nhuận phân phối thực hiện năm 2023 của Công ty là 13.651 tr.đồng cao hơn so với kế hoạch năm 2023 là 11.825 tr.đồng (đạt 115 % so với kế hoạch).

- Công ty trình phương án trích lập Quỹ đầu tư phát triển số tiền 875.532.129 đồng (là khoản tiền thuê đất được miễn giảm theo Quyết định số 1888/QĐ-CTTPHCM ngày 18/4/2023 của Cục thuế TP. Hồ Chí Minh).

- Quỹ khen thưởng phúc lợi đề nghị 5.187 tr.đồng, so với cùng kỳ năm 2022 là 5.104 tr.đồng, tăng 1,6%.

- Quỹ thưởng người quản lý là 388.8 tr.đồng bằng với số thực hiện năm 2022.

- Mức chia cổ tức năm 2023 là 7.200 tr.đồng tương đương 800đ/cp, đạt 114,2% so với năm 2022 là 6.300 tr.đồng, tương ứng 700đ/cp.

3. Công tác quản lý, đầu tư tài sản và xây dựng cơ bản

- Công tác đầu tư của Công ty đã được triển khai theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước và quy định nội bộ của Công ty. Các dự án đầu tư XDCB, mua sắm TSCĐ sau khi bàn giao đã được đưa vào sử dụng, quản lý, phân loại, trích khấu hao TSCĐ.

- Công ty thực hiện công tác chuẩn bị và triển khai các thủ tục đầu tư dự án theo đúng kế hoạch đầu tư được phê duyệt. Kết quả thực hiện giải ngân đầu tư năm 2023 đạt 37%, đã hoàn thành 13/13 công trình chuyển tiếp năm 2022. Tuy công tác chưa hoàn thành mục tiêu kế hoạch XDCB nhưng đã có sự tăng trưởng đột phá so với những năm gần đây, nhiều dự án đẩy nhanh tiến độ và giải ngân trong năm.

- Trong năm, Công ty ghi nhận phát sinh tăng tài sản cố định hữu hình số tiền 19,699 tỷ đồng, tài sản cố định vô hình với số tiền 1,24 tỷ đồng chủ yếu từ việc mua sắm phương tiện vận tải, thiết bị đo lường, nghiệm thu công trình hoàn thành và các chương trình phần mềm.

4. Thực hiện lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập

- Thực hiện theo Nghị quyết số 050/NQ-PHT-HĐQT ngày 28/03/2023 của Hội đồng quản trị, Công ty đã ký và công bố thông tin Hợp đồng kiểm toán số 15052023.002/HDTC.FISI với Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC để kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

5. Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ của Kiểm toán viên về Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty

- Toàn bộ báo cáo tài chính năm 2023 đã được Công ty đăng tải, công bố thông tin trên trang tin điện tử <https://phuwaco.com.vn>. Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ của kiểm toán về

0304
CƠ
CƠ
CẤP
HỦ H
- TP.

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

vấn đề nêu trong Báo cáo tài chính năm 2023 là trọng yếu, sẽ làm thay đổi kết quả tài chính nhưng Công ty vẫn hoàn thành đạt và vượt kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch tài chính năm 2023.

- Ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Hoà Tân tại ngày 31/12/2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

III. Kết quả giám sát Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc

Công tác điều hành sản xuất kinh doanh của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc trong năm 2022 nhìn chung đã tuân thủ Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các quy định pháp luật có liên quan.

Trong năm 2023, Hội đồng quản trị đã tổ chức 4 cuộc họp, tổ chức lấy ý kiến, ban hành các văn bản, thực hiện đầy đủ các quyền và trách nhiệm trong quản lý Công ty, xây dựng Chương trình làm việc, chỉ đạo quyết liệt bằng những giải pháp cụ thể, hỗ trợ tạo điều kiện để Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của mình.

Ban Giám đốc và người quản lý khác của Công ty luôn làm việc tích cực với tinh thần trách nhiệm cao, nhận diện và phân tích đánh giá kịp thời các khó khăn, thách thức, tập trung điều hành quyết liệt, linh hoạt, sâu sát mọi hoạt động của Công ty. Nỗ lực trong việc phát triển theo chiều sâu, nâng cao hiệu quả quản lý, tối ưu hóa quá trình sản xuất kinh doanh, lãnh đạo Công ty hoàn thành kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023, hoàn thành vượt chỉ tiêu kế hoạch năm.

IV. Báo cáo đánh giá sự phối hợp giữa Ban Kiểm soát và Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc Công ty

Ban Kiểm soát phối hợp với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc trên cơ sở đảm bảo lợi ích hợp pháp cho Công ty, Cổ đông theo đúng Điều lệ Công ty và quy định pháp luật.

Ban Kiểm soát phối hợp Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao. Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc đã tạo điều kiện thuận lợi để Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ của mình. Cung cấp đầy đủ thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động Công ty; mời tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị, họp giao ban Công ty và các cuộc họp khác.

Năm 2023, Ban Kiểm soát không nhận được đơn thư yêu cầu hay khiếu nại, đề nghị của cổ đông hoặc nhóm cổ đông có tỷ lệ sở hữu 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên.

V. Đánh giá hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2023

1. Về hoạt động chung

Ban Kiểm soát nghiêm túc thực hiện theo các nội dung trong Kế hoạch hoạt động năm 2023 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua: bám sát Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, kế

hoạch hoạt động và tình hình thực tế, thực hiện đúng quyền hạn và trách nhiệm theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Ban Kiểm soát tham gia đầy đủ các phiên họp của Hội đồng quản trị để nắm bắt tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình đầu tư và tham gia đóng góp ý kiến, đưa ra kiến nghị Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của mình. Các thành viên Ban Kiểm soát làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, theo nguyên tắc độc lập và cân trọng, vì lợi ích của cổ đông và sự phát triển bền vững của Công ty.

Trong năm 2023, Ban Kiểm soát đã tổ chức 04 cuộc họp trực tiếp. Tất cả các cuộc họp đều đạt chất lượng, 100% thành viên tham dự cuộc họp thống nhất thông qua các nội dung chủ yếu về các mặt hoạt động của Ban Kiểm soát.

Nội dung các cuộc họp Ban Kiểm soát:

Stt	Biên bản họp	Ngày	Nội dung	Thành viên dự họp
01	01-23/BB-BKS-PHT	20/3/2023	Kiểm tra, đánh giá các chỉ tiêu SXKD Quý I/2023. Công tác chuẩn bị ĐHĐCĐ thường niên năm 2023.	03/03
02	02-23/BB-BKS-PHT	26/7/2023	Kiểm tra, đánh giá chỉ tiêu SXKD Quý II và 6 tháng đầu năm 2023. BCTC 6 tháng năm 2023	03/03
03	03-23/BB-BKS-PHT	14/12/2022	Kiểm tra, đánh giá chỉ tiêu SXKD Quý III và 10 tháng năm 2023	03/03
04	04-23/BB-BKS-PHT	14/03/2024	Kiểm tra, đánh giá chỉ tiêu SXKD Quý IV, cả năm 2023. BCTC, KH Phân phối lợi nhuận năm 2023	03/03

2. Tiền lương và thù lao của BKS

Thù lao năm 2023 của thành viên BKS được thực hiện theo Nghị quyết số 058/NQ-PHT-ĐHĐCĐ ngày 20/4/2023 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.

Tiền thù lao của thành viên BKS không chuyên trách là 3.000.000 đồng/người/tháng. Tiền lương của Trưởng BKS chuyên trách được xây dựng và chi trả theo Thông tư 28/TT-BLĐTBXH và Nghị quyết của Công ty.

Công ty đã chi trả tiền lương, thù lao BKS năm 2023 theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ và Nghị quyết của HĐQT Công ty.

3. Đánh giá về giao dịch giữa Công ty với các bên có liên quan và Công ty mẹ

Trong năm 2023, Công ty có phát sinh các giao dịch giữa các bên có liên quan và Công ty mẹ. Các giao dịch này được công bố thông tin đầy đủ, tuân thủ các quy định hiện hành và đảm bảo đúng lợi ích của cổ đông.

- Hợp đồng chuyển nhượng vật tư ngành nước số 7737/HĐ-TCT-KHĐT ngày 17 tháng 10 năm 2023 trị giá 1,112 tỷ đồng.

- Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch năm 2023 số 3650/HĐ-TCT-KDDVKH ngày 11 tháng 5 năm 2023, đính kèm Bản thỏa thuận năm 2023 với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên.

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

- Hợp đồng mua bán số SC0060/2023/HĐMB-CBCTCNNB ngày 30 tháng 5 năm 2023 với Công ty Cổ phần Cấp nước Nhà Bè về việc mua nước uống đóng chai năm 2023.
- Hợp đồng đào tạo số 7957/HĐ-TCT-TTBD ngày 25 tháng 10 năm 2023, trị giá 21,6 triệu đồng, về việc đào tạo bồi dưỡng và nâng bậc thợ Khối Kỹ thuật.
- Hợp đồng đào tạo số 7959/HĐ-TCT-TTBD ngày 25 tháng 10 năm 2023, trị giá 9,6 triệu đồng, về việc đào tạo bồi dưỡng nâng bậc thợ và chuyển chức danh.

VI. Kết luận và Kiến nghị

Ban Kiểm soát thống nhất với Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023 của Công ty, phương hướng và giải pháp thực hiện kế hoạch năm 2024 của Hội đồng quản trị, Báo cáo của Ban Giám đốc tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024. Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024, Phương án phân phối lợi nhuận năm 2023, Kế hoạch tài chính năm 2024 của Công ty và thông qua kế hoạch hoạt động năm 2024 của Ban Kiểm soát.

Để hoàn thành tốt các nhiệm vụ năm 2024, Ban Kiểm soát có một số khuyến nghị đối với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc như sau:

- Tiếp tục thực hiện tốt công tác cấp nước an toàn, đảm bảo mục tiêu tăng sản lượng nước cung cấp cho khách hàng trên địa bàn.
- Nâng cao hiệu quả trong việc quản lý dòng tiền, thực hiện tốt công tác thu tiền nước tăng cường biện pháp cưỡng chế đối với các trường hợp nợ tiền nước quá hạn qua nhiều kỳ.
- Về quản lý chi phí, tiếp tục kiểm soát chặt chẽ các khoản chi phí đầu vào đảm bảo hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Công ty cần xem xét, cân nhắc và rút kinh nghiệm đối với ý kiến kiểm toán ngoại trừ đã nêu trong Báo cáo tài chính sau kiểm toán năm 2023.

VII. Kế hoạch hoạt động năm 2024

- Thực hiện đúng quyền hạn và trách nhiệm của Ban Kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty và nhiệm vụ Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024 trong đó tập trung kiểm tra/giám sát các công việc chủ yếu sau:

1. Kiểm tra/giám sát tình hình thực hiện và tuân thủ Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp, pháp luật nhà nước; tình hình thực hiện và tuân thủ và các Quy chế, Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.
2. Kiểm tra/giám sát, đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024; tình hình tài chính, cân đối vốn và quản lý dòng tiền, hiệu quả hoạt động và khả năng thanh toán nợ, tình hình quản lý và sử dụng vốn; bảo toàn và phát triển vốn; tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng quý; kiểm tra/giám sát tình hình triển khai, tiến độ thực hiện và hiệu quả các dự án đầu tư.
3. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập Báo cáo tài chính.
4. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và tài liệu khác của công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

5. Thực hiện thẩm định Báo cáo tài chính hàng quý, bán niên, năm.
6. Giám sát hoạt động kiểm kê tài sản cuối năm tại đơn vị.
8. Xây dựng Kế hoạch hoạt động năm 2025 của Ban Kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thông qua và tổ chức thực hiện.
9. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông; giám sát doanh nghiệp về công tác công bố thông tin về người có liên quan và giao dịch với người có liên quan;
10. Thực hiện các công việc khác của Ban Kiểm soát theo yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông và các quy định hiện hành.

Trên đây là báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty Cổ Phần Cấp Nước Phú Hòa Tân, Ban Kiểm soát kính đề trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Trân trọng./.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN



Nguyễn Minh Đạt





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2024

Số: 020/TTr-PHT-BKS

TỜ TRÌNH

V/v chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty năm 2024

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết về việc thi hành một số điều của Luật chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của CTCP CN Phú Hòa Tân ban hành kèm theo Quyết định số 199/QĐ-PHT-HĐQT ngày 12/4/2021.

Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua:

1. Chấp thuận danh sách đề xuất 03 đơn vị kiểm toán độc lập, gồm:

- Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt;
- Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC;
- Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam.

2. Chấp thuận chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt chính thức là đơn vị thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 của Phú Hòa Tân – đính kèm Dự thảo Hợp đồng;

3. Ủy quyền cho HĐQT chọn 01 trong 02 đơn vị kiểm toán độc lập còn lại tại mục (1) nêu trên, thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty năm 2024 trong trường hợp vì lý do hay điều kiện khách quan mà Công ty không thể ký kết Hợp đồng kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 với đơn vị kiểm toán độc lập được chọn tại mục (2).

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các TV BKS;
- Lưu.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Nguyễn Minh Đạt

Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2024

Số: _____/24/AUD.VVALUES

HỢP ĐỒNG KIỂM TOÁN

V/v: soát xét Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2024
và kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024
của Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Hòa Tân.

- Căn cứ Bộ Luật dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015 của Quốc Hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2017;
- Căn cứ Luật thương mại số 36/2005/QH11 được Quốc Hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2005;
- Căn cứ Luật Kiểm toán độc lập số 67/2011/QH12 được Quốc hội nước Cộng Hòa Xã hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 3 năm 2011;
- Căn cứ vào Nghị định số 17/2012/NE-CP ngày 13 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật kiểm toán độc lập;
- Thực hiện Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 210 về Hợp đồng Kiểm toán;
- Căn cứ Chuẩn mực Việt Nam về Hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện;
- Căn cứ theo yêu cầu của Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Hòa Tân về việc soát xét Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Hai bên gồm:

Bên A : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ HÒA TÂN

(Dưới đây gọi tắt là Bên A)

Đại diện là Ông : **ĐƯƠNG VĂN HÒA**

Chức vụ : Giám đốc

Điện thoại : +84 (28) 38 558 410 Fax : +84 (28) 3955 5282

Địa chỉ : 86 Tân Hưng, phường 12, quận 5, Tp. Hồ Chí Minh.

Mã số thuế : 0304796249

Tài khoản : 007.100.242.3478 Ngân hàng Ngoại Thương – Chi nhánh Quận 5.

Bên B : CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN CHUẨN VIỆT

Công ty Thành viên của JPA International

(Dưới đây gọi tắt là Bên B)

Đại diện là : **NGUYỄN THANH SANG**

Chức vụ : Tổng Giám đốc Email : thansang@vietvalues.com

Điện thoại : +84 (28) 3859 4168 – 3859 2285

Địa chỉ : 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, Tp. Hồ Chí Minh.

Mã số thuế : 0303128175

Tài khoản : 1401 14851 034 725 tại Eximbank, Chi nhánh Sài Gòn, Tp. Hồ Chí Minh.



Sau khi thỏa thuận, hai bên nhất trí ký hợp đồng này gồm các điều khoản sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

Bên B đồng ý cung cấp cho Bên A dịch vụ soát xét và kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Hòa Tân, chi tiết như sau:

1. Soát xét Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày;
2. Kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Cuộc kiểm toán của Bên B được thực hiện với mục tiêu đưa ra ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính và Báo cáo tài chính hợp nhất của Bên A.

Báo cáo tài chính được lập phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Việc kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, Bên A thông báo cho Bên B để Bên B sắp xếp nhân sự và lập kế hoạch kiểm toán.

Bên B sẽ kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam.

ĐIỀU 2: TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN CỦA CÁC BÊN

2.1 Trách nhiệm của Bên A:

Dịch vụ soát xét và kiểm toán của Bên B sẽ được thực hiện trên cơ sở Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị của Bên A (trong phạm vi phù hợp) hiểu và thừa nhận có trách nhiệm:

- (a) Đối với việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực và hợp lý, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày Báo cáo tài chính được áp dụng;
- (b) Đối với kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- (c) Đảm bảo cung cấp kịp thời cho Bên B:
 - (i) Quyền tiếp cận với tất cả tài liệu, thông tin mà Ban Tổng Giám đốc nhận thấy là có liên quan đến quá trình lập và trình bày báo cáo tài chính như chứng từ kế toán, sổ kế toán, tài liệu và các vấn đề khác;
 - (ii) Các thông tin bổ sung mà kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán yêu cầu Ban Tổng Giám đốc cung cấp hoặc giải trình để phục vụ cho mục đích của cuộc kiểm toán;
 - (iii) Quyền tiếp cận không hạn chế đối với nhân sự của Bên A mà kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán xác định là cần thiết để thu thập bằng chứng kiểm toán. Bố trí nhân sự liên quan cùng làm việc với Bên B trong quá trình kiểm toán.
- (d) Tuân thủ kế hoạch kiểm toán do Bên B đề xuất mà Bên A đã đồng ý.

Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị của Bên A (trong phạm vi phù hợp) có trách nhiệm cung cấp và xác nhận bằng văn bản về các giải trình đã cung cấp trong quá trình kiểm toán vào “Thư giải trình của Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị”, một trong những yêu cầu của chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, trong đó nêu rõ trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc của Bên A trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và khẳng định rằng ảnh hưởng của từng sai sót, cũng như tổng hợp các sai sót không được điều chỉnh do Bên B

phát hiện và tổng hợp trong quá trình kiểm toán cho kỳ hiện tại và các sai sót liên quan đến các kỳ trước là không trọng yếu đối với tổng thể báo cáo tài chính.

Tạo điều kiện thuận tiện cho các nhân viên của Bên B trong quá trình làm việc tại Văn phòng của Bên A.

Thanh toán đầy đủ phí dịch vụ kiểm toán và các phí khác (nếu có) cho Bên B theo quy định tại Điều 4 của hợp đồng này.

2.2 Trách nhiệm của Bên B:

2.2.1 Dịch vụ soát xét Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

Bên B sẽ thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về Hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện với mục đích tạo cơ sở để Bên B báo cáo xem liệu Bên B có nhận thấy vấn đề gì khiến Bên B cho báo cáo tài chính giữa niên độ đã không được lập và trình bày, trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ hay không.

Công việc soát xét của Bên B bao gồm các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là đối với những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính, kế toán, và áp dụng các thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác và thông thường không bao gồm việc chứng thực các thông tin thu thập được. Phạm vi công việc soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ về cơ bản hẹp hơn phạm vi của một cuộc kiểm toán báo cáo tài chính được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam nhằm đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính. Do đó, Bên B không đưa ra ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính giữa niên độ được soát xét.

Dịch vụ soát xét thông tin tài chính giữa niên độ không nhằm cung cấp sự đảm bảo rằng Bên B sẽ có thể nhận biết được toàn bộ các vấn đề trọng yếu chỉ có thể xác định được bằng một cuộc kiểm toán. Ngoài ra, công việc soát xét của bên B không thể được xem là căn cứ nhằm phát hiện các gian lận, nhầm lẫn hay các hành vi vi phạm pháp luật. Tuy nhiên, Bên B sẽ thông báo cho Bên A về bất kỳ vấn đề trọng yếu nào mà Bên B phát hiện được.

2.2.2 Kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bên B sẽ thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, pháp luật và các quy định có liên quan. Các chuẩn mực kiểm toán này quy định Bên B phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính, xét trên phương diện tổng thể, có còn sai sót trọng yếu hay không. Trong cuộc kiểm toán, Bên B sẽ thực hiện các thủ tục để thu thập bằng chứng kiểm toán về số liệu và thông tin trình bày trong Báo cáo tài chính. Các thủ tục được thực hiện tùy thuộc vào đánh giá của kiểm toán viên, bao gồm việc đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc do nhầm lẫn. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá sự phù hợp của các chính sách kế toán đã được sử dụng và các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc, cũng như đánh giá cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính.

Bên B có trách nhiệm thông báo cho Bên A về nội dung và kế hoạch kiểm toán, cử kiểm toán viên và các trợ lý có năng lực và kinh nghiệm thực hiện kiểm toán.

Bên B thực hiện công việc kiểm toán theo nguyên tắc độc lập, khách quan và bảo mật số liệu. Theo đó bên B không được quyền tiết lộ cho bất kỳ một bên thứ ba nào mà không có sự đồng ý của Bên A, ngoại trừ theo yêu cầu của pháp luật và các quy định có liên quan, hoặc trong trường hợp những thông tin như trên đã được các cơ quan quản lý Nhà nước phổ biến rộng rãi hoặc đã được Bên A công bố.

Bên B có trách nhiệm yêu cầu Bên A xác nhận các giai trình đã cung cấp cho Bên B trong quá trình thực hiện kiểm toán. Theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, việc đáp ứng các yêu cầu này và Thư giải trình của Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị của Bên A về

19624
CÔNG TY
PHẦN
NƯỚC
HÒA-TÀI
HỒ C

những vấn đề liên quan là một trong những cơ sở để Bên B đưa ra ý kiến của mình về Báo cáo tài chính của Bên A.

Do những hạn chế vốn có của kiểm toán cũng như của kiểm soát nội bộ, có rủi ro khó tránh khỏi là kiểm toán viên có thể không phát hiện được các sai sót trọng yếu, mặc dù cuộc kiểm toán đã được lập kế hoạch và thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam.

Để đánh giá rủi ro, Bên B sẽ xem xét kiểm soát nội bộ mà Bên A sử dụng trong quá trình lập Báo cáo tài chính để thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp trong từng trường hợp, nhưng không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hữu hiệu của kiểm soát nội bộ của Bên A. Tuy nhiên, Bên B sẽ thông báo tới Bên A bằng văn bản về các khiếm khuyết nghiêm trọng trong kiểm soát nội bộ mà Bên B phát hiện được trong quá trình kiểm toán Báo cáo tài chính.

ĐIỀU 3: BÁO CÁO KIỂM TOÁN

3.1 Sau khi kết thúc công tác soát xét, Bên B sẽ cung cấp cho Bên A:

- Báo cáo kết quả công tác soát xét kèm theo Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024 được phát hành 07 (bảy) bộ tiếng Việt:
 - + Bên A: 05 (năm) bộ
 - + Bên B: 02 (hai) bộ

Báo cáo soát xét sẽ được lập bằng văn bản, gồm các nội dung theo quy định của Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện, pháp luật và quy định khác có liên quan.

3.2 Sau khi hoàn thành cuộc kiểm toán, Bên B sẽ cung cấp cho Bên A:

- Báo cáo kiểm toán kèm theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 được phát hành 10 (mười) bộ tiếng Việt:
 - + Bên A: 08 (tám) bộ
 - + Bên B: 02 (hai) bộ

Báo cáo kiểm toán sẽ được lập bằng văn bản, gồm các nội dung theo quy định của Luật Kiểm toán độc lập, Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 700, 705, 706 và các chuẩn mực kiểm toán và quy định pháp lý khác có liên quan.

- Thư quản lý (nếu có) sẽ đề cập đến những điểm thiếu sót cần khắc phục và ý kiến đề xuất của kiểm toán viên nhằm góp phần hoàn thiện hệ thống quản lý tài chính kế toán và hệ thống kiểm soát nội bộ của Bên A. Thư quản lý (nếu có) được phát hành 02 (hai) bộ tiếng Việt:
 - + Bên A: 01 (một) bộ
 - + Bên B: 01 (một) bộ

Nếu Bên A có nhu cầu tăng thêm về số lượng Báo cáo, phần báo cáo in ấn thêm được thanh toán theo chi phí in ấn thực tế.

Trong trường hợp Bên A dự định phát hành Báo cáo kiểm toán của Bên B dưới bất kỳ dạng tài liệu nào, hoặc phát hành các tài liệu trong đó có các thông tin về báo cáo tài chính đã được kiểm toán, Ban Tổng Giám đốc của Bên A đồng ý rằng họ sẽ cung cấp cho Bên B một bản của tài liệu này và chỉ phổ biến rộng rãi các tài liệu này sau khi có sự đồng ý của Bên B bằng văn bản.

ĐIỀU 4: PHÍ DỊCH VỤ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

4.1 Phí dịch vụ

Tổng phí dịch vụ cho các dịch vụ nêu tại Điều 1 là: **55.000.000 đồng (Bằng chữ: Năm mươi lăm triệu đồng chẵn).**

Phí dịch vụ chưa bao gồm Thuế Giá trị gia tăng nhưng đã bao gồm các chi phí đi lại, ăn ở và phụ phí khác.

4.2 Phương thức thanh toán

- Phí kiểm toán sẽ được thanh toán bằng chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản của Bên B.
- Bên A sẽ tạm ứng cho Bên B 50% tổng phí dịch vụ (chưa bao gồm Thuế Giá trị gia tăng) trong vòng 05 (năm) ngày kể từ khi hợp đồng được ký kết, số tiền còn lại (bao gồm Thuế Giá trị gia tăng theo quy định hiện hành) Bên A sẽ thanh toán dứt điểm một lần ngay sau khi Bên B hoàn thành dịch vụ kiểm toán và dự thảo Báo cáo kiểm toán đã được Bên A ký chấp nhận.
- Bên B sẽ phát hành Hóa đơn GTGT cho Bên A khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ, phù hợp với quy định của pháp luật thuế hiện hành.

ĐIỀU 5: CAM KẾT THỰC HIỆN

Hai bên cam kết thực hiện tất cả các điều khoản đã ghi trong Hợp đồng. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, hai bên phải kịp thời thông báo cho nhau và trao đổi, tìm giải pháp thích hợp. Mọi thông tin phải được thông báo trực tiếp cho mỗi bên bằng văn bản (hoặc qua email) theo địa chỉ đã ghi trên đây.

Thời gian kiểm toán dự kiến như sau:

- Thực hiện kiểm tra, soát xét Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2024 : 03 ~ 05 ngày làm việc
- Tham gia chứng kiến kiểm kê (nếu có) : ngày 31/12/2024 (hoặc theo kế hoạch kiểm kê của Quý Công ty).
- Kiểm toán chính thức cho năm 2024 : 03 ~ 05 ngày làm việc.
- Tổng hợp và phát hành dự thảo báo cáo : 10 ~ 15 ngày làm việc.
- Phát hành báo cáo kiểm toán năm 2024 chính thức : 02 ngày sau khi nhận được ý kiến đồng ý của Bên A về số liệu và nội dung báo cáo dự thảo đã gửi.

Thời gian này dựa trên cơ sở Bên A cung cấp đầy đủ và đồng bộ hồ sơ, tài liệu chứng từ kế toán có liên quan đến cuộc kiểm toán.

ĐIỀU 6: HỦY HỢP ĐỒNG

Nếu Bên A hủy hợp đồng này do lỗi của Bên A, Bên B có quyền phát hành hóa đơn yêu cầu Bên A thanh toán khoản phí nhằm bù đắp thời gian thực tế phát sinh do thực hiện hợp đồng cho đến ngày hợp đồng bị hủy.

ĐIỀU 7: THỦ TỤC GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG

Bất kỳ mọi tranh chấp, mâu thuẫn hay bất đồng phát sinh giữa các bên liên quan trong hợp đồng này hoặc vi phạm hợp đồng thì trước hết sẽ được hai bên giải quyết trên tinh thần hòa giải. Trường hợp hòa giải không thành thì việc tranh chấp đó sẽ được đưa ra Tòa Kinh tế do hai bên lựa chọn. Phán quyết của tòa án sẽ được xem là quyết định cuối cùng và có hiệu lực ràng buộc đối với tất cả các bên tham gia ký kết hợp đồng.

ĐIỀU 8: HIỆU LỰC, NGÔN NGỮ VÀ THỜI HẠN HỢP ĐỒNG

- Hợp đồng này có hiệu lực sau khi hai bên đã ký kết và có đầy đủ con dấu của hai bên.
- Hợp đồng này có giá trị thực hiện cho đến khi thanh lý hợp đồng hoặc hai bên cùng nhất trí hủy bỏ hợp đồng.
- Hợp đồng này được lập thành 05 (năm) bản chính bằng tiếng Việt, Bên A giữ 03 (ba) bản, Bên B giữ 02 (hai) bản có giá trị pháp lý như nhau.

- Hợp đồng này tự động được thanh lý sau khi Bên A và Bên B đã hoàn thành trách nhiệm của mỗi bên./.

Đại diện Bên B
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN
& TƯ VẤN CHUẨN VIỆT (VIETVALUES®)
TỔNG GIÁM ĐỐC

Đại diện Bên A
CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC PHÚ HÒA TÂN
TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN THANH SANG

DƯƠNG VĂN HÒA





SAIGON WATER CORPORATION

PHUWACO

Thương hiệu cấp nước, vững bước cùng bạn!

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 3 năm 2024

SỐ: 089 /BC-PHT-HĐQT

TỜ TRÌNH

*V/v thực hiện quỹ tiền lương, thù lao Người quản lý năm 2023;
Kế hoạch tiền lương, thù lao năm 2024*

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Nghị định 53/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 và Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ LĐTBXH hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của nhà nước;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của CTCP CN Phú Hòa Tân ban hành kèm theo Quyết định số 199/QĐ-PHT-HĐQT ngày 12/4/2021;

Hội đồng quản trị báo cáo việc thực hiện tiền lương, thù lao của Người quản lý (HĐQT, BKS, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng) năm 2023 và trình xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông về tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2024 của Người quản lý như sau:

I./ Báo cáo thực hiện tiền lương, thù lao người quản lý năm 2023:

Tổng quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2023: **3.530.400.000 đồng**. Gồm:

1. Tổng quỹ lương của Người quản lý chuyên trách: 3.110.400.000 đồng. Trong đó:

- + Chủ tịch HĐQT: 53.200.000 đồng/người/tháng
 - + Giám đốc: 48.100.000 đồng/người/tháng
 - + Phó Giám đốc: 41.100.000 đồng/người/tháng
 - + Kế toán trưởng: 36.800.000 đồng/người/tháng
 - + Trưởng BKS: 38.800.000 đồng/người/tháng
- (số làm tròn)

2. Tổng thù lao của Người quản lý không chuyên trách: 420.000.000 đồng. Trong đó:

- + Thành viên Hội đồng quản trị: 5.800.000 đồng/người/tháng
- + Thành viên Ban kiểm soát: 3.000.000 đồng/người/tháng

II./ Kế hoạch tiền lương, thù lao người quản lý năm 2024:

Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 và tình hình thực tế tại Công ty, Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua kế hoạch tiền lương, thù lao Người quản lý năm 2024, với tổng số tiền: **3.012 triệu đồng**. Trong đó:


1. Tiền lương của người quản lý chuyên trách: Như năm 2023. Cụ thể, được thực hiện theo quy định tại Nghị định 53/2016/NĐ-CP và Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH, với mức tiền lương bình quân chung của Người quản lý chuyên trách là 36 triệu đồng/người/tháng và số người quản lý làm việc theo thời gian thực tế. Theo đó, tổng tiền lương kế hoạch là 2.592 triệu đồng.


2. Thù lao người quản lý không chuyên trách: Như năm 2023. Cụ thể, mức thù lao bình quân cho Người quản lý không chuyên trách là 05 triệu đồng/người/tháng. Theo đó, quỹ thù lao kế hoạch năm 2024: 5 triệu x 7 người x 12 tháng = 420 triệu đồng.

Cuối năm, căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính thực tế, Công ty sẽ quyết toán quỹ lương, thù lao thực hiện theo quy định.

Ngoài ra, các khoản chi phí khác cho hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát sẽ được hạch toán theo thực tế.

Kính trình ĐHĐCĐ xem xét thông qua kế hoạch lương, thù lao năm 2024 của người quản lý. Sau khi được ĐHĐCĐ thông qua, Công ty sẽ thực hiện việc chi trả đảm bảo phù hợp với các quy định hiện hành.

Trân trọng. 

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Lê Thị Thanh Tâm



SAIGON WATER CORPORATION

PHUWACO

Thương hiệu cấp nước, vững bước cùng bạn!

Số: 086 /TTr-PHT-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 3 năm 2024

TỜ TRÌNH**V/v Chấp thuận dự thảo Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch năm 2024, Bản thỏa thuận với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV (Công ty mẹ).**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp năm 2020 quy định Đại hội đồng cổ đông có thẩm quyền quyết định đối với các Hợp đồng, giao dịch có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

Căn cứ Dự thảo Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch năm 2024, Bản thỏa thuận giữa Công ty với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV (Công ty mẹ).

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, chấp thuận:

1. Chấp thuận Dự thảo Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch năm 2024 và Bản thỏa thuận giữa Công ty với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – đính kèm Dự thảo Hợp đồng và Bản thỏa thuận.
2. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị xem xét, thông qua các Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất trong trường hợp có sự thay đổi về các điều khoản trong Dự thảo Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch và Bản thỏa thuận nêu trên.
3. Sau khi được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông/ Hội đồng quản trị (trên cơ sở lấy ý kiến của cổ đông/ thành viên HĐQT không có lợi ích liên quan), giao cho Giám đốc Công ty ký kết các Hợp đồng, Bản thỏa thuận, các phụ lục điều chỉnh Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn.
4. Thời gian ủy quyền: cho đến ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông liên kế tiếp theo.

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: TK

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Lê Thị Thanh Tâm

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm 2024

HỢP ĐỒNG MUA BÁN SỈ NƯỚC SẠCH

Số: _____/HĐ-TCT-KDDVKH

Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 20/2007/QĐ-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy định về cung cấp, sử dụng nước và bảo vệ công trình cấp nước trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 01/2021/QĐ-UBND ngày 20 tháng 01 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định về cung cấp, sử dụng nước và bảo vệ công trình cấp nước trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 20/2007/QĐ-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Bản thỏa thuận ngày ... tháng ... năm 2024 về Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch từ kỳ 01 đến kỳ 12 năm 2024 giữa Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên và Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Hoà Tân.

Theo nhu cầu, khả năng của hai bên;

Hôm nay, ngày ... tháng ... năm 2024, tại trụ sở Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV, số 01 Công trường Quốc tế, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, chúng tôi gồm:

**BÊN A : TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN – TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
MỘT THÀNH VIÊN (Bên bán)**

Trụ sở chính: Số 01 Công trường Quốc tế, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại : 38 291 777 – 38 291 974.

Fax: (84.8) 38 241 644.

Tài khoản số : 622.043.110.110.0091 tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn – Chi nhánh Chợ Lớn.

Mã số thuế : 0301129367



Do Ông: **Đặng Đức Hiền**

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc làm đại diện.

Giấy ủy quyền: Số 9301/GUQ-TCT-KDDVKH ngày 14 tháng 12 năm 2023 của Ông Trần Quang Minh – Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

BÊN B : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ HOÀ TÂN (Bên mua)

Trụ sở chính : 86 Tân Hưng, Phường 12, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại : 38 558 410

Fax: (84.8) 39 555 282

Tài khoản số : 6220201686868 tại Chi nhánh ngân hàng Nông nghiệp phát triển nông thôn Chợ Lớn

Mã số thuế : 0304796249

Do Ông

: **Dương Văn Hòa**

Chức vụ: Giám đốc làm đại diện

Thông nhất ký kết Hợp đồng mua bán si nước sạch từ kỳ 01 đến kỳ 12 năm 2024 theo các điều khoản sau:

Điều 1: Khối lượng nước mua bán.

1.1 Bên A bán và Bên B mua khối lượng nước được xác định hàng kỳ qua các đồng hồ tổng, bao gồm: đồng hồ tổng nguồn, đồng hồ tổng tách mạng và đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng. Danh sách các đồng hồ tổng nguồn, đồng hồ tổng tách mạng và đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng được nêu tại Phụ lục 1 của Hợp đồng này. Các đồng hồ tổng được định nghĩa như sau:

1.1.1 Đồng hồ tổng nguồn: là đồng hồ đo đếm khối lượng nước đi vào mạng lưới cấp nước của Bên B.

1.1.2 Đồng hồ tổng tách mạng: là đồng hồ đo đếm khối lượng nước qua lại giữa mạng lưới cấp nước của Bên B với Bên thứ ba có hợp đồng mua bán si nước sạch với Bên A.

1.1.3 Đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng:

1.1.3.1. Là đồng hồ đo đếm khối lượng nước cấp cho khách hàng của Bên B xác định, chưa được ghi nhận qua đồng hồ tổng được nêu tại Khoản 1.1.1, 1.1.2 của điều này.

1.1.3.2. Là đồng hồ đo đếm khối lượng nước cấp cho khách hàng của Bên B xác định, được khai thác trực tiếp trên tài sản (tuyến ống) của Bên A (nếu có).

1.2 Cân chỉnh và kiểm tra đồng hồ tổng:

định trước và lập thành danh sách để tiến hành cùng ghi nhận khối lượng nước tiêu thụ.

Thời gian ghi nhận khối lượng nước mua bán thông qua số liệu của Data logger vào lúc 7h00 ngày 25 hàng tháng.

Đối với đồng hồ tổng không có bộ ghi nhận dữ liệu, khối lượng nước mua bán được tính theo chỉ số trên bộ hiển thị của đồng hồ tổng vào ngày 25 hàng tháng. Thời gian đọc chỉ số trên bộ hiển thị của đồng hồ tổng giữa 02 (hai) kỳ không được lệch quá 60 phút. Việc ghi nhận khối lượng nước mua bán phải được lập thành biên bản để làm cơ sở cho việc thanh toán tiền nước mua bán.

2.1.2 Khối lượng nước giảm trừ:

Khi xảy ra các trường hợp được nêu tại Khoản 7.1.3, 7.2.3 Điều 7 thì căn cứ vào biên bản ghi nhận của hai bên để tính toán khối lượng nước mua bán trong kỳ.

Khối lượng nước giảm trừ được hai bên lập thành biên bản và thống nhất chậm nhất sau 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày ghi nhận khối lượng nước mua bán được nêu tại Khoản 2.1.1 Điều 2. Sau thời gian này, nếu hai bên không thống nhất được thì khối lượng nước mua bán trong kỳ sẽ không tính khối lượng nước giảm trừ. Khối lượng nước giảm trừ sẽ tiếp tục được hai bên thống nhất vào kỳ mua bán kế tiếp.

2.1.3 Trường hợp các đồng hồ tổng gặp sự cố hư hỏng hoặc chạy bất thường, thì việc ghi nhận khối lượng nước được tính trung bình và/hoặc sẽ cùng thỏa thuận giữa các bên. Cách thực hiện được nêu tại Phụ lục 5 của hợp đồng này.

2.2 Tính toán khối lượng nước mua bán:

Khối lượng nước mua bán giữa hai bên là tổng khối lượng nước được ghi nhận theo quy định tại Khoản 2.1 của điều này.

Điều 3: Chất lượng nước sạch:

3.1 Chất lượng nước mua bán giữa hai bên đạt tiêu chuẩn theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt, QCVN 01-1:2018/BYT được ban hành kèm Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ Y tế. Các chỉ tiêu và thông số về chất lượng nước mua bán được nêu tại Phụ lục 2 của hợp đồng này. Vị trí lấy mẫu nước để kiểm nghiệm chất lượng nước theo danh sách được nêu tại Phụ lục 1 của hợp đồng này. Danh mục các chỉ tiêu và thông số về chất

lượng nước kiểm nghiệm hàng tháng được nêu tại mục II Phụ lục 2 của hợp đồng này.

3.2 Xác định vùng trách nhiệm về chất lượng nước:

3.2.1 Trách nhiệm của Bên A:

Bên A có trách nhiệm đảm bảo chất lượng nước mua bán đạt tiêu chuẩn theo quy định tại Khoản 3.1 Điều 3 từ nhà máy của Bên A và/hoặc Nhà máy của các đơn vị khác mà Bên A có hợp đồng mua si nước sạch đến vị trí lắp đặt đồng hồ tổng nguồn và đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng.

3.2.2 Trách nhiệm của Bên B:

Bên B có trách nhiệm đảm bảo chất lượng nước mua bán đạt theo quy định tại Khoản 3.1 Điều 3 từ vị trí sau đồng hồ tổng nguồn đến đến đồng hồ tổng tách mạng và từ vị trí sau đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng.

3.3 Kiểm nghiệm chất lượng nước mua bán:

3.3.1 Hàng tháng, Bên A và Bên B sẽ lấy 10 (mười) mẫu nước tại vị trí các đồng hồ tổng đã chọn trước được nêu tại Phụ lục 1 của hợp đồng này để tiến hành kiểm nghiệm hoặc gửi đến một đơn vị có chức năng kiểm nghiệm để kiểm nghiệm các chỉ tiêu được quy định tại mục II, Phụ lục 2 của hợp đồng này. Kết quả kiểm nghiệm là cơ sở để hai bên phân định trách nhiệm về chất lượng nước mua bán giữa hai bên. Chi phí kiểm nghiệm do Bên A chịu.

3.3.2 Bên B có quyền yêu cầu một đơn vị có chức năng kiểm nghiệm tiến hành lấy mẫu nước tại vị trí được quy định tại Khoản 3.3.1 của điều này để kiểm nghiệm cốt chiếu kết quả kiểm nghiệm chất lượng nước do Bên A thực hiện. Chi phí kiểm nghiệm này do Bên B chịu.

3.3.3 Nếu có xảy ra phản ánh của khách hàng sử dụng nước về chất lượng nước thì hai bên cùng tiến hành kiểm tra, tìm nguyên nhân. Nếu lỗi thuộc về bên nào thì bên đó chịu chi phí kiểm nghiệm và thực hiện theo Điểm 7.3.1 Khoản 7.3 Điều 7 của hợp đồng này.

Điều 4: Đơn giá mua bán

4.1 Đơn giá mua bán của khối lượng nước được ghi nhận thông qua các đồng hồ tổng nêu tại Khoản 1.1.1, 1.1.2, 1.1.3.1 Điều 1 của hợp đồng này là 6.528,87 đồng/m³.

- 4.2 Đơn giá mua bán của khối lượng nước được ghi nhận thông qua các đồng hồ tổng nêu tại Khoản 1.1.3.2 Điều 1 của hợp đồng này được tính bằng 70% (bảy mươi phần trăm) giá bán bình quân áp dụng cho khách hàng của Bên B xác định, tại thời điểm ghi nhận khối lượng nước mua bán của các đồng hồ này.
- 4.3 Đơn giá nêu trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.
- 4.4 Trong thời gian thực hiện hợp đồng, hai bên sẽ thương thảo, tính toán lại đơn giá cho phù hợp với tình hình thực tế.

Điều 5: Thanh toán.

5.1 Hàng tháng Bên B thực hiện thanh toán tiền mua bán si nước sạch như sau:

5.1.1 Sau ngày hai bên đã ghi nhận khối lượng nước mua bán được quy định tại Điều 2 của hợp đồng này thì vào ngày 05 (năm) của tháng liền sau đó Bên B phải thanh toán 50% (năm mươi phần trăm) số tiền mua bán si nước sạch cho Bên A.

5.1.2 Tối đa sau 07 (bảy) ngày kể từ ngày thanh toán được nêu tại Khoản 5.1.1, Bên B phải thanh toán dứt điểm số tiền còn lại cho Bên A.

5.1.3 Việc thanh toán được thực hiện bằng hình thức chuyển khoản. Nếu ngày thanh toán được nêu tại Khoản 5.1.1, 5.1.2 rơi vào ngày thứ bảy, chủ nhật hoặc ngày nghỉ theo quy định thì ngày thanh toán được dời vào ngày liền kề sau đó.

5.2 Trường hợp Bên B chậm thanh toán như quy định tại Khoản 5.1 của điều này thì phải chịu thêm lãi suất vay quá hạn hiện hành của Ngân hàng cho số tiền chậm thanh toán.

5.3 Hàng tháng, Bên A gửi cho Bên B bộ hồ sơ thanh toán bao gồm:

- Biên bản ghi nhận khối lượng nước mua bán được quy định tại Khoản 2.1 Điều 2 của hợp đồng này (phụ lục 3).
- Thông báo số tiền phải thanh toán (phụ lục 4).
- Bảng kết quả kiểm nghiệm.
- Hóa đơn bán si.

Điều 6: Các trường hợp ngưng cung cấp nước, ngưng tiếp nhận nước

6.1 Bên A ngưng cung cấp nước khi xảy ra một hoặc các trường hợp sau:

6.1.1 Theo kế hoạch sửa chữa định kỳ, nhưng không quá 24 giờ một lần. Bên A có trách nhiệm thông báo cho Bên B biết trước ít nhất 07 (bảy) ngày.

- 6.1.2 Do các sự cố lớn tại các nhà máy của Bên A và/ hoặc nguồn nước của Bên A và của các đơn vị khác mà Bên A ký hợp đồng mua. Khi có sự cố xảy ra, Bên A phải thông báo ngay cho Bên B trong vòng 2 (hai) giờ và sau đó phải gửi văn bản chính thức.
- 6.1.3 Do các sự cố lớn trên hệ thống ống truyền dẫn của Bên A. Khi có sự cố xảy ra, Bên A phải thông báo ngay cho Bên B trong vòng 2 (hai) giờ và sau đó phải gửi văn bản chính thức.
- 6.1.4 Do các trường hợp bất khả kháng như được nêu tại Điều 8 của hợp đồng này. Khi xảy ra các trường hợp bất khả kháng, Bên A phải thông báo ngay cho Bên B trong vòng 2 (hai) giờ và sau đó phải gửi văn bản chính thức.
- 6.2 Bên B ngưng tiếp nhận nước khi xảy ra một hoặc các trường hợp sau:
- 6.2.1 Bên A không thực hiện việc kiểm nghiệm nước sạch được quy định tại Khoản 3.3.1 Điều 3 của hợp đồng này.
- 6.2.2 Chất lượng nước mua bán không đạt tiêu chuẩn như quy định tại Khoản 3.1 Điều 3 của hợp đồng này.
- 6.2.3 Thực hiện công tác sửa chữa, cải tạo hệ thống cấp nước theo kế hoạch. Trong trường hợp này Bên B phải thông báo cho Bên A biết trước ít nhất 02 (hai) ngày.
- 6.2.4 Khi có sự cố hư hỏng đột xuất hệ thống cấp nước của Bên B mà có thể làm gián đoạn việc tiếp nhận nước từ bên A. Trong trường hợp này Bên B phải thông báo ngay khi phát hiện sự cố cho Bên A biết.

Điều 7: Trách nhiệm của các bên.

7.1 Trách nhiệm của Bên A:

- 7.1.1 Đảm bảo cung cấp nguồn nước liên tục và đạt tiêu chuẩn được quy định tại Khoản 3.1 Điều 3 của hợp đồng này, trừ các trường hợp bất khả kháng nêu tại Điều 8.
- 7.1.2 Giải quyết nhanh chóng, kịp thời các sự cố hư hỏng trong phạm vi tài sản của mình.
- 7.1.3 Thông báo và phối hợp cùng Bên B ghi nhận, tính toán để giảm trừ khối lượng nước mua bán khi xảy ra hiện tượng rò rỉ, bể ống cấp 1 và cấp 2 tại vị trí sau đồng hồ tổng thuộc tài sản của Bên A và/hoặc có yêu cầu xử lý nước đục mà nguyên nhân xuất phát từ trách nhiệm của Bên A.
- 7.1.4 Hỗ trợ Bên B khắc phục các sự cố vượt ngoài khả năng của Bên B (khi có yêu cầu).

- 7.1.5 In hóa đơn tiền nước cho Bên B theo tiến độ đọc số và thu tiền đã được thỏa thuận.
- 7.1.6 Làm việc với các cơ quan quản lý nhà nước, với các phương tiện thông tin đại chúng, với nhân dân về các vấn đề có liên quan đến quy định, cơ chế, chính sách trong việc cung cấp và sử dụng nước sạch có tầm ảnh hưởng đến hoạt động của Bên A.
- 7.2 Trách nhiệm của Bên B:
- 7.2.1 Thanh toán tiền nước đầy đủ, đúng hạn được quy định tại Điều 5 của hợp đồng này.
- 7.2.2 Đảm bảo chất lượng nước cung cấp cho khách hàng sử dụng nước đạt theo tiêu chuẩn được quy định tại Khoản 3.1 Điều 3 của hợp đồng này.
- 7.2.3 Thông báo và phối hợp với Bên A ghi nhận các sự cố xì, bể ống cấp 1 và cấp 2 tại vị trí sau đồng hồ tổng thuộc tài sản của Bên A và/hoặc có yêu cầu súc xả nước đục mà nguyên nhân xuất phát từ trách nhiệm của Bên A để cùng tiến hành tính toán khối lượng nước mua bán được giảm trừ.
- 7.2.4 Phối hợp, hỗ trợ với bên thứ ba có sử dụng chung nguồn nước do bên A cung cấp trong việc cung cấp nước sạch. Thông báo cho Bên A các trường hợp tạm ngưng tiếp nhận nước khi tiến hành sửa chữa hệ thống mang lưới phân phối của mình, đặc biệt khi việc tạm ngưng tiếp nhận nước này làm ảnh hưởng đến việc cung cấp nước của Bên thứ ba có hợp đồng mua bán si nước sạch với Bên A.
- 7.2.5 Phối hợp với Bên A trong việc xử lý, khắc phục các sự cố cấp nước trong trường hợp các sự cố này xảy ra trên diện rộng, vượt phạm vi quản lý của Bên B.
- 7.2.6 Làm việc với các cơ quan quản lý nhà nước, với các phương tiện thông tin đại chúng, với nhân dân về các vấn đề có liên quan đến quy định, cơ chế, chính sách trong việc cung cấp và sử dụng nước sạch trên địa bàn của Bên B.
- 7.3 Trách nhiệm chung của hai bên:
- 7.3.1 Tìm nguyên nhân về chất lượng nước khi có phản ánh của khách hàng. Nếu lỗi thuộc về bên nào thì bên đó có trách nhiệm giải quyết, bồi thường (nếu có).
- 7.3.2 Thực hiện theo các quy định của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về cung cấp nước, sử dụng nước và các văn bản pháp lý khác của Nhà nước có liên quan đến vấn đề cung cấp và sử dụng nước.

Điều 8: Các trường hợp bất khả kháng.

8.1 Trường hợp bất khả kháng là những sự kiện, hoàn cảnh được liệt kê dưới đây khi xảy ra nằm ngoài dự kiến và tầm kiểm soát của ít nhất một trong hai bên và bên gặp trường hợp bất khả kháng đã làm hết trách nhiệm của mình mà vẫn không ngăn chặn được như:

- Chiến tranh, thiên tai, địch họa, hòa hoãn.
- Khủng bố, bạo động, phá hoại có tính chất tội phạm.
- Nguồn điện cung cấp cho Bên A bị ngừng hoặc cung cấp không đảm bảo cho hoạt động sản xuất tại trạm bơm nước thô và nhà máy nước của Bên A và/hoặc các đơn vị khác mà bên A ký hợp đồng mua nước sạch.
- Nước thô để sản xuất nước sạch tại các nhà máy nước của Bên A và/hoặc tại các đơn vị khác mà Bên A ký hợp đồng mua nước sạch không đủ hoặc nguồn nước thô này có chất lượng thấp đến mức không thể xử lý được thành nước sạch đủ tiêu chuẩn như quy định.
- Những tác động không lường trước như: các đơn vị thi công cầu, đường làm hư hỏng hệ thống tuyến ống truyền tải của Bên A.

8.2 Trong các trường hợp bất khả kháng được nêu trên, bên gặp trường hợp bất khả kháng phải gửi thông báo đến bên kia trong thời gian sớm nhất và hai bên sẽ cùng hợp tác nhanh chóng khắc phục hậu quả để tiếp tục ngay việc mua bán, cung cấp nước sạch trong thời gian sớm nhất. Nếu có thiệt hại phát sinh thì thiệt hại thuộc phạm vi quản lý của bên nào bên đó tự chịu trách nhiệm giải quyết.

8.3 Khi xảy ra trường hợp bất khả kháng, bên gặp trường hợp bất khả kháng được xem như không vi phạm đối với việc thực hiện các nghĩa vụ của mình theo hợp đồng trong thời gian và phạm vi ảnh hưởng do trường hợp bất khả kháng gây ra.

Điều 9: Thời hạn thực hiện hợp đồng.

- 9.1 Hợp đồng này thực hiện việc mua bán lượng nước từ kỳ 01 đến kỳ 12 năm 2024.
- 9.2 Trước khi hợp đồng hết thời hạn, hai bên sẽ cùng thương thảo ký kết hợp đồng mới.

Điều 10: Điều khoản chung.

10.1 Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của mình theo quy định trong hợp đồng này và theo quy định của pháp luật. Các bất đồng ý kiến phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng sẽ được hai bên bàn bạc, giải quyết trên tinh thần hợp tác và tôn trọng quyền lợi của nhau.

10.2 Trong thời gian thực hiện hợp đồng này, những vấn đề phát sinh (nếu có) làm ảnh hưởng đến quyền lợi của một hoặc hai bên, thì sẽ được hai bên ghi nhận, nghiên cứu để đưa vào thực hiện trong hợp đồng kế tiếp.

10.3 Tranh chấp giữa các bên nếu không tự giải quyết được thì sẽ do Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết. Hai bên phải tuân thủ theo phán quyết có hiệu lực của Tòa.

10.4 Việc sửa đổi, bổ sung các điều khoản của hợp đồng này phải được sự thống nhất của hai bên và phải được thể hiện bằng văn bản.

Hợp đồng này được lập thành 08 (tám) bản, mỗi bên giữ 04 (bốn) bản có giá trị như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN B

ĐẠI DIỆN BÊN A



PHỤ LỤC 1 DANH SÁCH CÁC ĐỒNG HỒ TỔNG

1. Đồng hồ tổng nguồn (outlet):

STT	Mã vị trí	Vị trí
1	pt1001_10M345B	Vòng xoay Đan chu
2	pt1002	3/2 - Cao Thang 1
3	pt1003	3/2 - Cao Thang 2
4	pt1004	3/2 - Tran Minh Quyen
5	pt1005	3/2 - Le Hong Phong noi dai
6	pt1006	3/2 - Nguyen Tri Phuong 1
7	pt1007	3/2 - Nguyen Tri Phuong 2
8	pt1009	3/2 - Nguyen Lam
9	pt1010	3/2 - Ly Thuong Kiet
10	pt1011	3/2 - Le Dai Hanh 1
11	pt1014	Góc trung hoc Phu Tho
12	pt1015	3/2 Ta Uyen
13	pt1018	3/2 - Le Hong Phong 2
14	pt1019	Vòng xoay cay go

2. Đồng hồ tổng tách mạng:

STT	Mã vị trí	Vị trí
15	pt2005	DBP - Cao Thang
16	pt2017	Ly Thuong Kiet - Thien Phuoc
17	pt2018	Au Co - Le Dai Hanh - Nguyen Thi Nho (04-07)
18	pt2027	Khuon Viet - Au Co
19	pt2030	Au Co - Le Dai Hanh
20	pt2032	Au Co - Le Nga
21	cl2011	Tran Nhan Ton - Hung Vuong 1 (123 Hung Vuong
22	sg2003	Dien Bien Phu - Tran Minh Quyen (3A02)

3. Đồng hồ tổng nguồn (Outlet) của Công ty TNHH Nước ngầm Sài Gòn

STT	Mã vị trí	Vị trí
23	pt4002	Dong hc so 7- Tan Hoa - Lac Long Quan
24	pt4006	Dong hc so 5 (Tan Hoa - Hong Bang)

PHỤ LỤC 2: TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH

Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt, QCVN 01-1:2018/BYT

được ban hành kèm Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ Y tế

MỤC I: CÁC CHỈ TIÊU VÀ THÔNG SỐ VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH:

TT	Tên thông số	Đơn vị tính	Ngưỡng giới hạn cho phép	Tần suất thử nghiệm
<i>Thông số vi sinh vật</i>				
1.	Coliform	CFU/100 mL	<3	Tháng
2.	E.Coli hoặc Conform chịu nhiệt	CFU/100 mL	<1	Tháng
3.	Tụ cầu vàng (Staphylococcus aureus)	CFU/ 100mL	< 1	06 tháng
4.	Trực khuẩn mù xanh (Ps. Aeruginosa)	CFU/ 100mL	< 1	06 tháng
<i>Thông số cảm quan và vô cơ</i>				
5.	Arsenic (As) (*)	mg/L	≤ 0.01	06 tháng
6.	Clo dư tự do	mg/L	Trong khoảng 0,2 - 1,0	Tháng
7.	Độ đục	NTU	≤ 2	Tháng
8.	Màu sắc	TCU	≤ 15	Tháng
9.	Mùi, vị	-	Không có mùi, vị lạ	Tháng
10.	pH	-	Trong khoảng 6,0-8,5	Tháng
11.	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/L	≤ 0,3	06 tháng
12.	Antimon (Sb)	mg/L	≤ 0,02	06 tháng
13.	Bari (Bs)	mg/L	≤ 0,7	06 tháng
14.	Bor tính chung cho cả Borat và axit Boric (B)	mg/L	≤ 0,3	06 tháng
15.	Cadmi (Cd)	mg/L	≤ 0,003	06 tháng
16.	Chì (Plumbum) (Pb)	mg/L	≤ 0,01	06 tháng
17.	Chỉ số pecmanganat	mg/L	≤ 2	06 tháng
18.	Chloride (Cl ⁻)	mg/L	≤ 250	06 tháng
19.	Chromi (Cr)	mg/L	≤ 0,05	06 tháng
20.	Đồng (Cuprum) (Cu)	mg/L	≤ 1	06 tháng
21.	Độ cứng, tính theo CaCO ₃	mg/L	≤ 300	06 tháng
22.	Fluor (F)	mg/L	≤ 1,5	06 tháng
23.	Kẽm (Zincum) (Zn)	mg/L	≤ 2	06 tháng
24.	Mangan (Mn)	mg/L	≤ 0,1	06 tháng
25.	Natri (Na)	mg/L	≤ 200	06 tháng
26.	Nhôm (Aluminium) (Al)	mg/L	≤ 0.2	06 tháng
27.	Nickel (Ni)	mg/L	≤ 0,07	06 tháng
28.	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)	mg/L	≤ 2	06 tháng
29.	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)	mg/L	≤ 0,05	06 tháng

44
 41
 H. U. K.

30.	Sắt (Ferrum) (Fe)	mg/L	≤ 0,3	06 tháng
31.	Seleni (Se)	mg/L	≤ 0,01	06 tháng
32.	Sunphat	mg/L	≤ 250	06 tháng
33.	Sunfua	mg/L	≤ 0,05	06 tháng
34.	Thủy ngân (Hydrargyrum) (Hg)	mg/L	≤ 0,001	06 tháng
35.	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	≤ 1000	06 tháng
36.	Xyanua (CN)	mg/L	≤ 0,05	06 tháng
<i>Thông số hữu cơ</i>				
<i>a. Nhóm Alkan clo hóa</i>				
37.	1,1,1 - Tricloroetan	µg/L	≤ 2000	06 tháng
38.	1,2 - Dicloroetan	µg/L	≤ 30	
39.	1,2 - Dicloroeten	µg/L	≤ 50	
40.	Cacbon tetraclorua	µg/L	≤ 2	
41.	Diclorometan	µg/L	≤ 20	
42.	Tetracloroeten	µg/L	≤ 40	
43.	Tricloroeten	µg/L	≤ 20	
44.	Vinyl clorua	µg/L	≤ 0,3	
<i>b. Hydrocacbua thơm</i>				
45.	Benzen	µg/L	≤ 10	06 tháng
46.	Etylbenzen	µg/L	≤ 300	
47.	Phenol và dẫn xuất của Phenol	µg/L	≤ 1	
48.	Styren	µg/L	≤ 20	
49.	Toluen	µg/L	≤ 700	
50.	Xylen	µg/L	≤ 500	
<i>c. Nhóm Benzen Clo hóa</i>				
51.	1,2 - Diclorobenzen	µg/L	≤ 1000	06 tháng
52.	Monoclorobenzen	µg/L	≤ 300	
53.	Triclorobenzen	µg/L	≤ 20	
<i>d. Nhóm chất hữu cơ phức tạp</i>				
54.	Acrylamide	µg/L	≤ 0,5	06 tháng
55.	Epiclohydrin	µg/L	≤ 0,4	
56.	Hexacloro butadien	µg/L	≤ 0,6	
<i>Thông số hóa chất bảo vệ thực vật</i>				
57.	1,2 - Dibromo - 3 Cloropropan	µg/L	≤ 1	06 tháng
58.	1,2 - Dicloropropan	µg/L	≤ 40	
59.	1,3 - Dichloropropen	µg/L	≤ 20	
60.	2,4-D	µg/L	≤ 30	
61.	2,4 - DB	µg/L	≤ 90	
62.	Alachlor	µg/L	≤ 20	
63.	Aldicarb	µg/L	≤ 10	
64.	Atrazine và các dẫn xuất chloro-s- triazine	µg/L	≤ 100	
65.	Carbofuran	µg/L	≤ 5	

: 79
IG T
PHÁ
NƯỚC
3A
HO

66.	Chlorpyrifos	µg/L	≤ 30	
67.	Clodane	µg/L	≤ 0,2	
68.	Clorotoluron	µg/L	≤ 30	
69.	Cyanazine	µg/L	≤ 0,6	
70.	DDT và các dẫn xuất	µg/L	≤ 1	
71.	Dichloprop	µg/L	≤ 100	
72.	Fenoprop	µg/L	≤ 9	
73.	Hydroxyatrazine	µg/L	≤ 200	
74.	Isoproturon	µg/L	≤ 9	
75.	MCPA	µg/L	≤ 2	
76.	Mecoprop	µg/L	≤ 10	
77.	Methoxychlor	µg/L	≤ 20	
78.	Molinate (**)	µg/L	≤ 6	
79.	Pendimetalin	µg/L	≤ 20	
80.	Permethrin Mg/t	µg/L	≤ 20	
81.	Propanil Uq/L	µg/L	≤ 20	
82.	Simazine	µg/L	≤ 2	
83.	Trifuralin	µg/L	≤ 20	
<i>Thông số hóa chất trừ cỏ và sản phẩm phụ</i>				
84.	2,4,6 - Triclorophenol	µg/L	≤ 200	06 tháng
85.	Bromat	µg/L	≤ 10	
86.	Bromodichloromethane	µg/L	≤ 60	
87.	Bromoform	µg/L	≤ 100	
88.	Chloroform	µg/L	≤ 300	
89.	Dibromoacetone nitrile	µg/L	≤ 70	
90.	Dibromochloromethane	µg/L	≤ 100	
91.	Dichloroacetone nitrile	µg/L	≤ 20	
92.	Dichloroacetic acid	µg/L	≤ 50	
93.	Formaldehyde	µg/L	≤ 900	
94.	Monochloramine	µg/L	≤ 3,0	
95.	Monochloroacetic acid	µg/L	≤ 20	
96.	Trichloroacetic acid	µg/L	≤ 200	
97.	Trichloroaxetonitril	µg/L	≤ 1	
<i>Thông số nhiễm xạ</i>				
98.	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/L	≤ 0,1	06 tháng
99.	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/L	≤ 1,0	

Chú thích:

- Dấu (*) theo QCVN 01-1:2018/BYT quy định giám sát hàng tháng đối với đơn vị khai thác nước ngầm nhưng không quy định đối với nước mặt do đó đối với nước trên mạng lưới giám sát 06 tháng;

- Dấu (**) áp dụng theo giới hạn cho phép của QCVN 01:2009/BYT do QCVN 01-1:2018/BYT đề cập nhưng lại không quy định giới hạn cho phép.

MỤC II: CÁC CHỈ TIÊU KIỂM NGHIỆM:

- 1. Coliform
- 2. E.Coli hoặc Conform chịu nhiệt
- 3. Clo dư tự do
- 4. Độ đục
- 5. Màu sắc
- 6. Mùi, vị
- 7. pH

BIÊN BẢN XÁC ĐỊNH LƯỢNG NƯỚC MUA BÀN SỬ
CỦA CÔNG TY CHEN.....KỶ.....

Hôm nay ngày... tháng... năm... tại Công ty Cổ phần Cấp nước...
đang có mặt:
Bên A: Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn
Ông/Bà:..... (X) người (chức vụ:.....)

Bên B: Công ty Cổ phần Cấp nước...
Ông/Bà:.....
Cùng xác định lượng nước mua bàn sử dụng tại...
Thị trấn... ngày... tháng... năm...

1. LƯỢNG NƯỚC MUA BÀN SỬ DỤNG (A)
a) Lượng nước mua bàn sử dụng tại...
b) Lượng nước mua bàn sử dụng tại...

STT	ĐIỂM	Loại nước	Loại nước	Loại nước	Loại nước	Loại nước
1						
2						
3						

2. Lượng nước mua bàn sử dụng tại...
3. Lượng nước mua bàn sử dụng tại...

STT	ĐIỂM	Loại nước	Loại nước	Loại nước	Loại nước	Loại nước
1						
2						
3						

4. Lượng nước mua bàn sử dụng tại...
5. Lượng nước mua bàn sử dụng tại...
6. Lượng nước mua bàn sử dụng tại...

STT	ĐIỂM	Loại nước	Loại nước	Loại nước	Loại nước	Loại nước
1						
2						
3						

249
Y
V
C
I
A
N
H
I

**PHỤ LỤC 3: MẪU BIÊN BẢN XÁC ĐỊNH LƯỢNG NƯỚC MUA BÁN SỈ
CỦA CÔNG TY CPCN PHÚ HOÀ TÂN KỲ .../...**

TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
XÍ NGHIỆP TRUYỀN DẪN NƯỚC SẠCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

<>



Số : _____/BB-TDNS-QLĐHT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm

**BIÊN BẢN XÁC ĐỊNH LƯỢNG NƯỚC MUA BÁN SỈ
CỦA CÔNG TY CPCN KỲ .../...**

Hôm nay, ngày ... tháng ... năm ..., tại Công ty Cổ phần Cấp nước
chúng tôi gồm:

Bên A: Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn

Ông/Bà: (Xí nghiệp Truyền dẫn Nước sạch)

Bên B: Công ty Cổ phần Cấp nước

Ông/Bà:

Cùng xác định lượng nước mua bán sỉ của kỳ .../... như sau:

Từ ngày .../.../... đến ngày .../.../... (... ngày)

I. LƯỢNG NƯỚC QUA ĐỒNG HỒ TỔNG (A)

a1. Lượng nước được ghi nhận tại các đồng hồ tổng nguồn được nêu tại Phụ lục 1 của
hợp đồng mua bán sỉ nước sạch: (A1)

Stt	DMA	Vị trí	Chiều tách mạng	C/s kỳ trước (.../.../...)	C/s kỳ này (.../.../...)	Lượng nước qua đồng hồ (m ³)	Ghi chú
1							
2							
...					
CỘNG							

a2. Lượng nước được ghi nhận tại các đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng,
nêu tại Phụ lục 1 của hợp đồng mua bán sỉ nước sạch: (A2)

Stt	DMA	Vị trí	Chiều tách mạng	C/s kỳ trước (.../.../...)	C/s kỳ này (.../.../...)	Lượng nước qua đồng hồ (m ³)	Ghi chú
1							
2							
...					
CỘNG							

a3. Lượng nước được ghi nhận tại các đồng hồ khách hàng khai thác trực tiếp trên tài
sản Bên A, nêu tại Phụ lục 2 của hợp đồng mua bán sỉ nước sạch: (A3)

a3.1. Lượng nước được ghi nhận tại các đồng hồ khách hàng là đồng hồ sau đồng hồ
tổng nguồn: (A3.1)

Stt	DMA	Vị trí	Chiều tách mạng	C/s kỳ trước (.../.../...)	C/s kỳ này (.../.../...)	Lượng nước qua đồng hồ (m ³)	Ghi chú
1							

2							
...					
CỘNG							

a3.2. Lượng nước được ghi nhận tại các đồng hồ khách hàng là đồng hồ tổng nguồn:
(A3.2)

Stt	DMA	Vị trí	Chiều tách mạng	C/s kỳ trước (.../.../...)	C/s kỳ này (.../.../...)	Lượng nước qua đồng hồ (m ³)	Ghi chú
1							
2							
...					
CỘNG							

II. LƯỢNG NƯỚC GIẢM TRỪ (nếu có) (B)

b1. Lượng nước giảm trừ của các đồng hồ tổng nguồn được nêu tại Phụ lục 1 của hợp đồng mua bán sỉ nước sạch: (B1)

Stt	Số biên bản Ngày phát hành	Nội dung giảm trừ	Đơn vị thi công	Lượng nước giảm trừ (m ³)	Ghi chú
1					
2					
...					

b2. Lượng nước giảm trừ của các đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng, nêu tại Phụ lục 1 của hợp đồng mua bán sỉ nước sạch: (B2)

Stt	Số biên bản Ngày phát hành	Nội dung giảm trừ	Đơn vị thi công	Lượng nước giảm trừ (m ³)	Ghi chú
1					
2					
...					

b3. Lượng nước giảm trừ của các đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng (sau đồng hồ tổng nguồn hoặc là đồng hồ tổng nguồn), nêu tại Phụ lục 2 của hợp đồng mua bán sỉ nước sạch: (B3)

Stt	Số biên bản Ngày phát hành	Nội dung giảm trừ	Đơn vị thi công	Lượng nước giảm trừ (m ³)	Ghi chú
1					
2					
...					

III. LƯỢNG NƯỚC GIẢM TRỪ (CHƯA THỐNG NHẤT) (C)

c1. Lượng nước giảm trừ của các đồng hồ tổng nguồn được nêu tại Phụ lục 1 của hợp đồng mua bán sỉ nước sạch: (C1)

i. BÊN A

a.

b.

c.

Ý kiến đề nghị:



.....

 ii. **BÊN B**

- a.
 b.
 c.

Ý kiến đề nghị:

c2. **Lượng nước giảm trừ của các đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng, nêu tại Phụ lục 1 của hợp đồng mua bán sỉ nước sạch: (C2)**

i. **BÊN A**

- a.
 b.
 c.

Ý kiến đề nghị:

ii. **BÊN B**

- a.
 b.
 c.

c3. **Lượng nước giảm trừ của các đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng (sau đồng hồ tổng nguồn hoặc là đồng hồ tổng nguồn), nêu tại Phụ lục 2 của hợp đồng mua bán sỉ nước sạch: (C3)**

i. **BÊN A**

- a.
 b.
 c.

Ý kiến đề nghị:

ii. **BÊN B**

- a.
 b.
 c.

IV. TỔNG LƯỢNG NƯỚC MUA BÁN SỈ

(A)	Lượng nước qua ĐHT (A1+A2+A3.2)		(m ³)
(A1)	Lượng nước qua các ĐH tổng nguồn nêu tại PL1		(m ³)
(A2)	Lượng nước qua ĐH khách hàng được xem là ĐHT nêu tại PL1		(m ³)
(A3)	Lượng nước qua ĐH khách hàng khai thác trực tiếp trên tài		(m ³)

	sản Bên A nêu tại PL2: (A3.1 + A3.2)		
(A3.1)	Lượng nước qua các đồng hồ khách hàng là đồng hồ sau đồng hồ tổng nguồn		(m ³)
(A3.2)	Lượng nước qua các đồng hồ khách hàng là đồng hồ tổng nguồn		(m ³)
(B)	Lượng nước giảm trừ		(m ³)
(B1)	Lượng nước giảm trừ của các ĐH tổng nguồn nêu tại PL1		(m ³)
(B2)	Lượng nước giảm trừ của ĐH khách hàng được xem là ĐHT nêu tại PL1		(m ³)
(B3)	Lượng nước giảm trừ của các ĐH khách hàng được xem là đồng hồ tổng (sau đồng hồ tổng nguồn hoặc là đồng hồ tổng nguồn), nêu tại Phụ lục 2 của hợp đồng mua bán si nước sạch:		(m ³)
(S _{PL1})	Lượng nước thanh toán qua các ĐHT nêu tại PL1: (A1) + (A2) – (A3.1) – (B1) – (B2)		(m ³)
(S _{PL2})	Lượng nước thanh toán qua các ĐH khách hàng nêu tại PL2: (A3.1) + (A3.2) – (B3)		(m ³)
	TỔNG CỘNG: (S_{PL1}) + (S_{PL2})		(m ³)

Bên B
Công ty CPCN

Ban GNKDT

Giám đốc

Bên A
TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN
Xí nghiệp truyền dẫn nước sạch

Đội QLĐHT

Giám đốc

Tổng Giám đốc

330
CC
CC
CÁ
HỦ
5-7

PHỤ LỤC 4: MẪU THÔNG BÁO SỐ TIỀN PHẢI THANH TOÁN

ỦY BAN NHÂN DÂN TP. HỒ CHÍ MINH
TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

<>

☸☹☺

Số : _____/TB-TCT-.....

Tp. Hồ Chí Minh, ngày ____ tháng ____ năm

THÔNG BÁO SỐ TIỀN PHẢI THANH TOÁN KHỐI LƯỢNG NƯỚC MUA BÁN KỲ ... NĂM ...

Kính gửi: Công ty Cổ phần Cấp nước

- Căn cứ hợp đồng mua bán si nước sạch số ... ngày ...
- Căn cứ Biên bản ghi nhận khối lượng nước mua bán kỳ ... năm ..., ngày ... giữa Tổng Công Cấp nước Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên và Công ty Cổ phần Cấp nước

Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên thông báo số tiền Quý Công ty phải thanh toán cho khối lượng nước mua bán kỳ .../năm... như sau:

- Khối lượng nước mua bán: ... m³
- Đơn giá: ... đồng/m³.
- Thành tiền: ... đồng.
- Thuế giá trị gia tăng: đồng.
- **Tổng số tiền phải thanh toán: ... đồng.**

Đề nghị Quý Công ty thanh toán tiền nước mua si vào ngày __ tháng __ năm __ .

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên.
- P.KTTC.
- P.KDDVKH.

**KT.TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

PHỤ LỤC 5
QUY TRÌNH XỬ LÝ, TRƯỜNG HỢP TÍNH TRUNG BÌNH
VÀ QUY TẮC ỨNG XỬ TRONG CÁC TRƯỜNG HỢP GẶP SỰ CỐ,
NGHI NGỜ TÍNH CHÍNH XÁC CỦA ĐỒNG HỒ TỔNG

i. Quy trình xử lý khi đồng hồ tổng có sự cố bất thường.

Trong trường hợp có đồng hồ tổng có chỉ số khối lượng bất thường do các sự cố như đồng hồ hư hỏng, dữ liệu của bộ ghi nhận dữ liệu không liên tục hoặc lệch với chỉ số đồng hồ, hoặc do hết pin v.v... thì thực hiện theo quy trình sau:

1.1. Bên A ghi nhận hoặc tiếp nhận thông tin đồng hồ tổng khi có sự bất thường về chỉ số và hư hỏng trong quá trình quản lý hoặc do Bên B phản ánh.

1.2. Trong thời gian không quá 02 ngày, Bên A sẽ thông báo cho các đơn vị liên quan kiểm tra, đánh giá xác nhận tình trạng đồng hồ tổng tại hiện trường và đưa ra hướng xử lý.

1.3. Bên A sẽ lên kế hoạch triển khai và thực hiện công tác khắc phục sự cố từng trường hợp như sau:

1.3.1. Trường hợp đồng hồ hoặc bộ ghi nhận và truyền dữ liệu bị sự cố có thể khắc phục tại hiện trường (thay pin, thay nối dây tín hiệu, thay bộ hiển thị, đấu nối tiếp đất...) thì Bên A sẽ xử lý, khắc phục trong vòng 03 ngày làm việc và có sự chứng kiến, ký biên bản xác nhận của các bên liên quan.

1.3.2. Trường hợp đồng hồ tổng gặp sự cố không khắc phục được tại hiện trường, Bên A sẽ phối hợp các đơn vị liên quan thay thế đồng hồ hiện hữu bằng đồng hồ đã được kiểm định trong vòng 07 ngày, đồng thời niêm phong đồng hồ hiện hữu, đem kiểm định tại cơ quan có chức năng có thẩm quyền để xác định tình trạng đồng hồ trên (biên bản niêm phong phải có xác nhận của các bên).

ii. Các trường hợp tính bình quân lượng nước cung cấp và bán sỉ trong thời gian đồng hồ tổng hư hỏng hoặc không có đồng hồ đo đếm.

2.1. Trường hợp 1: đồng hồ tổng hoặc bộ ghi nhận và truyền dữ liệu bị hư hỏng, sự cố nhiều nhất 10 ngày trong cùng kỳ.

Tính toán khối lượng bình quân ngày cho những ngày đồng hồ tổng hoặc bộ ghi nhận và truyền dữ liệu gặp sự cố, hư hỏng bằng khối lượng bình quân theo những ngày còn lại trong kỳ.

2.2. Trường hợp 2: đồng hồ tổng bị hư hỏng (nhiều hơn 10 ngày).

2.2.1. Tính toán khối lượng bình quân ngày cho những ngày đồng hồ tổng gặp sự cố, hư hỏng bằng khối lượng bình quân ngày theo 03 kỳ đầy đủ, đã thông nhất khối lượng trước đó (không sử dụng Kỳ có ngày Tết âm lịch để tính).

2.2.2. Trong trường hợp không đủ khối lượng ổn định liên tục 03 kỳ thì tính khối lượng bình quân cho những ngày đồng hồ gặp sự cố bằng khối lượng bình

791
NG 1
PHI
NU
HÒA
111

quân theo số ngày thực tế đồng hồ tổng ghi nhận trước đó nhưng không ít hơn 10 ngày liên tục.

2.3. Trường hợp 3: đồng hồ tổng mới lắp đặt bị sự cố (không có dữ liệu tại các thời điểm trước đó).

2.3.1. Đồng hồ tổng có dữ liệu ít nhất 10 ngày liên tục được tính như Mục 2.2.2

2.3.2. Đồng hồ tổng có dữ liệu ít hơn 10 ngày, khối lượng tạm tính bằng không. Sau khi đồng hồ tổng được thay thế hoặc khắc phục sẽ sử dụng khối lượng trung bình của 10 ngày liên tục sau khi hoạt động để tính toán lại khối lượng cho thời gian các ngày tạm tính.

2.3.3. Bên A sẽ nhanh chóng lên kế hoạch và khắc phục sự cố như mục 1.3 nêu trên.

2.4. Trường hợp 4: đồng hồ tổng gặp sự cố, hư hỏng hoặc hoạt động không ổn định rơi vào những ngày lễ, tết

- Khối lượng tiêu thụ vào những ngày này có thể thấp hoặc cao hơn so với ngày thường. Tính lượng nước bình quân trong thời gian đồng hồ tổng xảy ra sự cố vào dịp lễ, tết sẽ tính theo “hệ số K”.
- Khối lượng tính bình quân ngày cho thời gian đồng hồ tổng hư hỏng = K x khối lượng bình quân ngày theo mục 2.1 hoặc mục 2.2.

$$K = \frac{\text{Khối lượng bình quân các ngày lễ tết của năm trước tương ứng với các ngày cần tính trung bình}}{\text{Khối lượng bình quân 10 ngày trước khi đồng hồ bị hư tương ứng của năm trước}}$$

2.5. Trường hợp 5: đồng hồ tổng hoạt động bình thường, bộ ghi nhận và truyền dữ liệu bị hư hỏng và không có chỉ số đọc trên bộ hiển thị đầu kỳ:

- Bị sự cố nhiều nhất 10 ngày trong cùng kỳ: Tính toán khối lượng bình quân ngày cho những ngày bộ ghi nhận và truyền dữ liệu gặp sự cố, hư hỏng bằng khối lượng bình quân theo những ngày còn lại trong kỳ.
- Bị sự cố trên 10 ngày trong cùng kỳ: Tính toán khối lượng bằng khối lượng bình quân ngày theo 03 kỳ đã thống nhất khối lượng trước đó (không sử dụng Kỳ có ngày Tết âm lịch để tính).

2.6. Trường hợp 6: đồng hồ tổng mới thay thế có khối lượng bình quân ngày chênh lệch bất thường so với dữ liệu khối lượng bình quân ngày quá khứ:

- Đồng hồ tổng sau khi được thay thế (đảm bảo yêu cầu pháp lý kỹ thuật). Bên A sẽ theo dõi khối lượng và xử lý chênh lệch bất thường so với dữ liệu khối lượng bình quân ngày quá khứ. Khi đó khối lượng sẽ được tạm tính theo mục 2.2.

- Trường hợp này Bên B cung cấp dữ liệu các đồng hồ DMA và đồng hồ khách hàng (nếu có) khu vực lân cận (do Đồng hồ tổng này cung cấp) cho Bên A, cùng phối hợp xử lý phân tích dữ liệu, đưa ra hướng giải quyết khắc phục sự cố của đồng hồ tổng.
- Trường hợp giải quyết khắc phục theo phương án: thay thế đồng hồ hiện hữu bằng đồng hồ khác (hoặc sửa chữa) thì sử dụng khối lượng trung bình của 10 ngày liên tục sau khi hoạt động của đồng hồ được thể để tính toán lại khối lượng cho thời gian tạm tính.

iii. Quy tắc ứng xử khi có nghi ngờ về độ chính xác của đồng hồ tổng

- 3.1. Khi Bên B nghi ngờ độ chính xác của các đồng hồ tổng thì có quyền yêu cầu Bên A thực hiện việc kiểm tra đồng hồ thông qua văn bản chính thức.
- 3.2. Sau khi nhận được yêu cầu kiểm tra đồng hồ nghi ngờ, Bên A sẽ thực hiện kiểm tra bằng các thiết bị kiểm tra tại hiện trường với sự chứng kiến của các bên.
- 3.3. Trong trường hợp Bên B yêu cầu phải có kiểm tra của cơ quan chức năng có thẩm quyền, Bên A sẽ thực hiện tháo gỡ, thay thế đồng hồ hiện hữu bằng đồng hồ đã kiểm định tại vị trí này trong thời gian ngắn nhất. Đồng hồ bị nghi ngờ độ chính xác sẽ được niêm phong mang đi kiểm định tại cơ quan chức năng có thẩm quyền.
- 3.4. Lượng nước mua bán sỉ trong thời gian từ khi Bên B yêu cầu kiểm tra đến khi thay tạm đồng hồ đã được kiểm định sẽ được tạm tính theo trường hợp quy định tại mục 2.2.
- 3.5. Sau khi có kết quả kiểm định, căn cứ vào kết quả:
 - 3.5.1. Trường hợp đồng hồ có kết quả kiểm định có độ chính xác trong giới hạn cho phép: tất cả các chi phí liên quan bao gồm phí kiểm định, chi phí tháo dỡ, lắp đặt đồng hồ và các chi phí liên quan khác sẽ do Bên B chịu trách nhiệm chi trả.
 - 3.5.2. Trường hợp đồng hồ có kết quả kiểm định có độ chính xác vượt giới hạn cho phép: Bên A sẽ chịu trách nhiệm chi trả tất cả chi phí liên quan.
 - 3.5.3. Lượng nước đã tạm tính ở mục 3.4 sẽ được so sánh khối lượng đo đếm thực tế 10 ngày liên tục sau khi hoạt động của đồng hồ đã kiểm định để truy thu hoặc giảm trừ.

219
 Y
 H
 OC
 TÁ
 CV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm 2024

BẢN THỎA THUẬN

Về Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch qua đồng hồ tổng từ kỳ 01 đến kỳ 12 năm 2024
giữa Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên
và Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Hòa Tân

Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 20/2007/QĐ-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy định về cung cấp, sử dụng nước và bảo vệ công trình cấp nước trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 01/2021/QĐ-UBND ngày 20 tháng 01 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định về cung cấp, sử dụng nước và bảo vệ công trình cấp nước trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 20/2007/QĐ-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh;

Theo nhu cầu, khả năng của hai bên;

Hôm nay, ngày ... tháng ... năm 2024, tại trụ sở Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên, số 11 Công trường Quốc tế, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh chúng tôi gồm:

BÊN A: TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN – TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN:

Ông: Đặng Đức Hiền

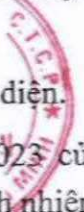
Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc làm đại diện.

Giấy ủy quyền: Số 9301/GUQ-TCT-KDDVKH ngày 14 tháng 12 năm 2023 của Ông Trần Quang Minh – Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ HOÀ TÂN:

Ông: Dương Văn Hòa

Chức vụ: Giám đốc làm đại diện.



Cùng thỏa thuận về một số vấn đề liên quan đến Hợp đồng mua bán si nước sạch từ kỳ 01 đến kỳ 12 năm 2024 giữa hai bên như sau:

Hai bên thống nhất Hợp đồng mua bán si nước sạch từ kỳ 01 đến kỳ 12 năm 2024 sẽ thực hiện việc mua bán si nước sạch qua đồng hồ tổng. Hợp đồng mua bán si nước sạch qua đồng hồ tổng sẽ thực hiện theo các nội dung và nguyên tắc sau:

I./ VỀ NỘI DUNG CỦA HỢP ĐỒNG:

Hợp đồng mua bán si nước sạch qua đồng hồ tổng sẽ bao gồm các điều khoản sau:

- Khối lượng nước mua bán.
- Ghi nhận, tính toán khối lượng nước.
- Chất lượng nước sạch.
- Đơn giá mua bán.
- Thanh toán.
- Các trường hợp ngưng cung cấp nước, ngưng tiếp nhận nước.
- Trách nhiệm của các bên.
- Các trường hợp bất khả kháng.
- Thời hạn thực hiện hợp đồng.
- Điều khoản chung.

II./ NGUYÊN TẮC XÁC ĐỊNH KHỐI LƯỢNG NƯỚC MUA BÁN:

1. Khối lượng nước mua bán:

Khối lượng nước mua bán là lượng nước thực vào địa bàn của Bên B được xác định mỗi kỳ 01 lần vào ngày 25 của mỗi tháng thông qua việc đọc số tại hiện trường và/hoặc thông qua bộ ghi nhận và truyền dữ liệu (Data logger) của các đồng hồ tổng nguồn, các đồng hồ tổng tách mạng và đồng hồ nước khách hàng được xem là đồng hồ tổng, trong đó có giảm trừ lượng nước đục mà nguyên nhân xuất phát từ trách nhiệm của Bên A.

2. Xác định khối lượng nước mua bán:

2.2.1 Thiết bị đo đếm:

Khối lượng nước mua bán si hàng kỳ được ghi nhận qua hệ thống đồng hồ tổng, được phân thành 03 loại: Đồng hồ tổng nguồn, đồng hồ tổng tách mạng và

đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng. Trong hợp đồng mua bán si nước sạch gọi chung 03 loại này là đồng hồ tổng, được định nghĩa và hiểu như sau:

- Đồng hồ tổng nguồn: là các đồng hồ ghi nhận khối lượng nước đi vào hoặc đi ra mạng lưới đường ống của Bên B (Phụ lục).
- Đồng hồ tổng tách mạng: là các đồng hồ ghi nhận khối lượng nước qua lại giữa Bên B và Bên thứ ba có hợp đồng mua si nước sạch của Bên A (Phụ lục).
- Đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng:
 - Là đồng hồ đo đếm khối lượng nước cấp cho khách hàng của Bên B xác định, chưa được ghi nhận qua đồng hồ tổng nguồn, đồng hồ tổng tách mạng (Phụ lục).
 - Là đồng hồ đo đếm khối lượng nước cấp cho khách hàng của Bên B xác định, được khai thác trực tiếp trên tài sản (tuyến ống) của Bên A (nếu có).

2.2.2 Cách tính lượng nước mua bán si :

a. Trường hợp đồng hồ tổng hoạt động bình thường:

Lượng nước mua bán si được xác định:

$$Q = \sum_i^n Q_i - \text{Lượng nước giảm trừ}$$

Với: Q_i : là lượng nước các đồng hồ tổng (cả 03 loại) ghi nhận được trong thời gian mua bán si.

Lượng nước giảm trừ được xác định khi xảy ra các trường hợp xuất hiện xì, bể ống cấp 1 và cấp 2 tại vị trí sau đồng hồ tổng thuộc tài sản của Bên A hoặc có yêu cầu xả nước đục mà nguyên nhân xuất phát từ trách nhiệm của Bên A. Khi đó hai bên sẽ cùng tiến hành ghi nhận làm cơ sở cho việc tính toán khối lượng nước mua bán.

b. Trường hợp đồng hồ tổng đo đếm có sự cố:

Hai bên thống nhất bổ sung quy trình xử lý, các trường hợp tính trung bình và quy tắc ứng xử trong các trường hợp đồng hồ tổng gặp sự cố, nghi ngờ tính chính xác của đồng hồ tổng như sau:

❖ Quy trình xử lý các đồng hồ tổng gặp sự cố được thực hiện như sau:

Trong trường hợp có đồng hồ tổng có chỉ số khối lượng bất thường do các sự cố như đồng hồ hư hỏng, dữ liệu của bộ ghi nhận dữ liệu không liên tục hoặc lệch với chỉ số đồng hồ, hoặc do hết pin v.v... thì thực hiện theo quy trình sau:

- + Bên A ghi nhận hoặc tiếp nhận thông tin đồng hồ tổng khi có sự bất thường về chỉ số và hư hỏng trong quá trình quản lý hoặc do Bên B phản ánh.
- + Trong thời gian không quá 02 ngày, Bên A sẽ thông báo cho các đơn vị liên quan kiểm tra, đánh giá xác nhận tình trạng đồng hồ tổng tại hiện trường và đưa ra hướng xử lý.
- + Bên A sẽ lên kế hoạch triển khai và thực hiện công tác khắc phục sự cố từng trường hợp như sau:

Trường hợp đồng hồ hoặc bộ ghi nhận và truyền dữ liệu bị sự cố có thể khắc phục tại hiện trường (thay pin, thay nối dây tín hiệu, thay bộ hiển thị, đấu nối tiếp đất...) thì Bên A sẽ xử lý, khắc phục trong vòng 03 ngày làm việc và có sự chứng kiến, ký biên bản xác nhận của các bên liên quan.

Trường hợp đồng hồ tổng gặp sự cố không khắc phục được tại hiện trường, Bên A sẽ phối hợp các đơn vị liên quan thay thế đồng hồ hiện hữu bằng đồng hồ đã được kiểm định trong vòng 07 ngày, đồng thời niêm phong đồng hồ hiện hữu, đem kiểm định tại cơ quan có chức năng có thẩm quyền để xác định tình trạng đồng hồ trên (biên bản niêm phong phải có xác nhận của các bên).

❖ Các trường hợp tính trung bình lượng nước cung cấp và bán si trong thời gian đồng hồ tổng hư hỏng hoặc không có đồng hồ đo đếm:

- + **Trường hợp 1: đồng hồ hỏng hoặc bộ ghi nhận và truyền dữ liệu bị hư hỏng, sự cố nhiều nhất 10 ngày trong cùng kỳ.**

Tính toán khối lượng bình quân ngày cho những ngày đồng hồ tổng hoặc bộ ghi nhận và truyền dữ liệu gặp sự cố, hư hỏng bằng khối lượng bình quân theo những ngày còn lại trong kỳ.

- + **Trường hợp 2: đồng hồ tổng bị hư hỏng (nhiều hơn 10 ngày).**

Tính toán khối lượng bình quân ngày cho những ngày đồng hồ tổng gặp sự cố, hư hỏng bằng khối lượng bình quân ngày theo 03 kỳ đầy đủ, đã thống nhất khối lượng trước đó (không sử dụng Kỳ có ngày Tết âm lịch để tính).

Trong trường hợp không đủ khối lượng ổn định liên tục 03 kỳ thì tính khối lượng bình quân cho những ngày đồng hồ gặp sự cố bằng khối lượng bình quân theo số ngày thực tế đồng hồ tổng ghi nhận trước đó nhưng không ít hơn 10 ngày liên tục.

- + **Trường hợp 3: đồng hồ tổng mới lắp đặt bị sự cố (không có dữ liệu tại các thời điểm trước đó).**

Đồng hồ tổng có dữ liệu ít nhất 10 ngày liên tục được tính như Mục 2 của Trường hợp 2.

Đồng hồ tổng có dữ liệu ít hơn 10 ngày, khối lượng tạm tính bằng không. Sau khi đồng hồ tổng được thay thế hoặc khắc phục sẽ sử dụng khối lượng trung bình của 10 ngày liên tục sau khi hoạt động để tính toán lại khối lượng cho thời gian các ngày tạm tính.

Bên A sẽ nhanh chóng lên kế hoạch và khắc phục sự cố như mục 3 của Quy trình xử lý các đồng hồ tổng gặp sự cố nêu trên.

- + **Trường hợp 4: đồng hồ tổng gặp sự cố, hư hỏng hoặc hoạt động không ổn định rơi vào những ngày lễ, tết**

Khối lượng tiêu thụ vào những ngày này có thể thấp hoặc cao hơn so với ngày thường. Tính lượng nước bình quân trong thời gian đồng hồ tổng xảy ra sự cố vào dịp lễ, tết sẽ tính theo “hệ số K”.

Khối lượng tính bình quân ngày cho thời gian đồng hồ tổng hư hỏng = K x khối lượng bình quân ngày theo Trường hợp 1 hoặc Trường hợp 2.

Khối lượng bình quân các ngày lễ tết của năm trước
trương ứng với các ngày cần tính trung bình

$$K = \frac{\text{Khối lượng bình quân các ngày lễ tết của năm trước tương ứng với các ngày cần tính trung bình}}{\text{Khối lượng bình quân 10 ngày trước khi đồng hồ bị hư trong ứng của năm trước}}$$

- + **Trường hợp 5: đồng hồ tổng hoạt động bình thường, bộ ghi nhận và truyền dữ liệu bị hư hỏng và không có chỉ số đọc trên bộ hiển thị đầu kỳ:**

Bị sự cố nhiều nhất 10 ngày trong cùng kỳ: Tính toán khối lượng bình quân ngày cho những ngày bộ ghi nhận và truyền dữ liệu gặp sự cố, hư hỏng bằng khối lượng bình quân theo những ngày còn lại trong kỳ.

Bị sự cố trên 10 ngày trong cùng kỳ: Tính toán khối lượng bằng khối lượng bình quân ngày theo 03 kỳ đã thống nhất khối lượng trước đó (không sử dụng Kỳ có ngày Tết âm lịch để tính).

- + **Trường hợp 6: đồng hồ tổng mới thay thế có khối lượng bình quân ngày chênh lệch bất thường so với dữ liệu khối lượng bình quân ngày quá khứ:**

Đồng hồ tổng sau khi được thay thế (đảm bảo yêu cầu pháp lý kỹ thuật). Bên A sẽ theo dõi khối lượng và xử lý chênh lệch bất thường *so với dữ liệu khối lượng bình quân ngày quá khứ*. Khi đó khối lượng sẽ được tạm tính theo Trường hợp 2.

Trường hợp này Bên B cung cấp dữ liệu các đồng hồ DMA và đồng hồ khách hàng (nếu có) khu vực lân cận (do Đồng hồ tổng này cung cấp) cho Bên A, cùng phối hợp xử lý phân tích dữ liệu, đưa ra hướng giải quyết khắc phục sự cố của đồng hồ tổng.

Trường hợp giải quyết khắc phục theo phương án: thay thế đồng hồ hiện hữu bằng đồng hồ khác (hoặc sửa chữa) thì sử dụng khối lượng trung bình của 10 ngày liên tục sau khi hoạt động của đồng hồ được thế để tính toán lại khối lượng cho thời gian tạm tính.

❖ Quy tắc ứng xử khi có nghi ngờ về độ chính xác của đồng hồ tổng:

- + Khi Bên B nghi ngờ độ chính xác của các đồng hồ tổng thì có quyền yêu cầu Bên A thực hiện việc kiểm tra đồng hồ thông qua văn bản chính thức.
- + Sau khi nhận được yêu cầu kiểm tra đồng hồ nghi ngờ, Bên A sẽ thực hiện kiểm tra bằng các thiết bị kiểm tra tại hiện trường với sự chứng kiến của các bên.
- + Trong trường hợp Bên B yêu cầu phải có kiểm tra của cơ quan chức năng có thẩm quyền, Bên A sẽ thực hiện tháo gỡ, thay thế đồng hồ hiện hữu bằng đồng hồ đã kiểm định tại vị trí này trong thời gian ngắn nhất. Đồng hồ bị nghi ngờ độ chính xác sẽ được niêm phong mang đi kiểm định tại cơ quan chức năng có thẩm quyền.
- + Lượng nước mua bán si rong thời gian từ khi Bên B yêu cầu kiểm tra đến khi thay tạm đồng hồ đã được kiểm định sẽ được tạm tính theo trường hợp quy định tại Trường hợp 2.
- + Sau khi có kết quả kiểm định, căn cứ vào kết quả:

Trường hợp đồng hồ có kết quả kiểm định có độ chính xác trong giới hạn cho phép: tất cả các chi phí liên quan bao gồm phí kiểm định, chi phí tháo dỡ, lắp đặt đồng hồ và các chi phí liên quan khác sẽ do Bên B chịu trách nhiệm chi trả.

Trường hợp đồng hồ có kết quả kiểm định có độ chính xác vượt giới hạn cho phép: Bên A sẽ chịu trách nhiệm chi trả tất cả chi phí liên quan.

Lượng nước đã tạm tính ở mục 4 của Quy tắc ứng xử khi có nghi ngờ về độ chính xác của đồng hồ tổng sẽ được so sánh khối lượng đo đếm thực tế 10 ngày liên tục sau khi hoạt động của đồng hồ đã kiểm định để truy thu hoặc giảm trừ.

2.2.3 Công tác đọc số đồng hồ tổng

Hàng kỳ, 02 bên cử đại diện để tiến hành ghi nhận chỉ số tiêu thụ và lập biên bản ghi nhận chỉ số tiêu thụ đồng hồ tổng. Việc phối hợp thực hiện như sau:

- Đối với đồng hồ tổng nguồn và đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng: Bên A và Bên B.
- Đồng hồ tổng tách mạng: Bên A, Bên B và Bên thứ ba có hợp đồng mua si nước sạch của Bên A. Bên thứ ba sẽ được xác định trước và lập danh sách các đồng hồ tổng này để cùng tiến hành ghi nhận khối lượng nước mua bán.

2.2.4 Thời gian đọc số đồng hồ tổng:

Việc đọc số đồng hồ tổng được xác định vào ngày 25 hàng tháng.

Đối với đồng hồ tổng không có bộ ghi nhận dữ liệu, thời gian đọc chỉ số trên bộ hiển thị của đồng hồ tổng giữa 02 (hai) kỳ không được lệch quá 60 phút.

III./ VỀ ĐƠN GIÁ MUA BÁN:

1. Hai bên thống nhất xác định đơn giá hợp đồng mua bán si nước sạch từ kỳ 01 đến kỳ 12 năm 2024 như sau:

$$\text{GBS}_{2024} = \text{GBS}_{2023} * (1 + \% \text{ Tốc độ tăng hoặc giảm thực tế giá bán lẻ bình quân})$$

Trong đó:

- GBS_{2023} : là đơn giá mua bán si cho lượng nước khách hàng sử dụng khai thác trực tiếp trên tài sản (tuyến ống) của Bên B năm 2023 tăng theo tốc độ tăng giá bán lẻ bình quân đạt được của năm 2023 so với năm 2022. Cụ thể là 6.528,87 đồng/m³.

% Tốc độ tăng hoặc giảm thực tế giá bán lẻ bình quân: là tốc độ tăng hoặc giảm giá bán lẻ bình quân thực tế năm 2024 so với giá bán lẻ bình quân thực tế năm 2023.

2. Hai bên thống nhất Hợp đồng mua bán si nước sạch từ kỳ 01 đến kỳ 12 năm 2024 sẽ được tính theo 02 đơn giá như sau:

- Đơn giá mua bán của khối lượng nước được ghi nhận tại đồng hồ tổng nguồn, đồng hồ tổng tách mạng, đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng đo đếm

49-
TÂN
CHI

khối lượng nước cấp cho khách hàng của Bên B xác định (Phụ lục đính kèm) là 6.528,87 $\text{đồng}/\text{m}^3$.

- Đơn giá mua bán của khối lượng nước được ghi nhận tại đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng đo đếm khối lượng nước cấp cho khách hàng của Bên B xác định, được khai thác trực tiếp trên tài sản (tuyến ống) của Bên A (nếu có) được tính bằng 70% (bảy mươi phần trăm) giá bán bình quân áp dụng cho khách hàng của Bên B xác định, tại thời điểm ghi nhận khối lượng nước mua bán của các đồng hồ này.

3. Đơn giá mua bán trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

4. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, hai bên sẽ thương thảo, tính toán lại đơn giá cho phù hợp với tình hình thực tế.

IV./ VỀ THANH TOÁN:

- Hàng tháng Bên B sẽ thanh toán tiền mua bán si nước sạch cho Bên A như sau:

+ Thanh toán 50% số tiền mua bán vào ngày 05 của tháng liền kề sau ngày hai bên ghi nhận khối lượng nước mua bán.

+ Thanh toán hết số tiền còn lại sau 07 (bảy) ngày kể từ ngày thanh toán lần đầu.

- Trường hợp ngày thanh toán rơi vào ngày thứ bảy, chủ nhật hoặc ngày nghỉ theo quy định thì ngày thanh toán được dời vào ngày liền kề sau đó.

- Thanh toán tiền mua bán si nước sạch bằng hình thức chuyển khoản.

Trong thời gian thực hiện hợp đồng mua bán si nước sạch, hai bên sẽ tiếp tục rà soát các khách hàng sử dụng nước khai thác trực tiếp trên tài sản (tuyến ống) của Bên A để điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế.

Bản thỏa thuận này được lập thành 02 (hai) bản, mỗi bên giữ 01 (một) bản có giá trị như nhau.

Đ/DIỆN CTY CP CẤP NƯỚC PHÚ HOÀ TÂN

**Đ/DIỆN TỔNG CTY CẤP NƯỚC SÀI GÒN
-TNHH MTV**

PHỤ LỤC
DANH SÁCH CÁC ĐỒNG HỒ TỔNG

1. Đồng hồ tổng nguồn (outlet):

STT	Mã vị trí	Vị trí
1	pt1001 10M345B	Vong xoay Dan chu
2	pt1002	3/2 - Cao Thang 1
3	pt1003	3/2 - Cao Thang 2
4	pt1004	3/2 - Tran Minh Quyen
5	pt1005	3/2 - Le Hong Phong noi dai
6	pt1006	3/2 - Nguyen Tri Phuong 1
7	pt1007	3/2 - Nguyen Tri Phuong 2
8	pt1009	3/2 - Nguyen Lam
9	pt1010	3/2 - Ly Thuong Kiet
10	pt1011	3/2 - Le Dai Hanh 1
11	pt1014	Góc truong hoc Phu Tho
12	pt1015	3/2 Ta Uyen
13	pt1018	3/2 - Le Hong Phong 2
14	pt1019	Vong xoay cay go

2. Đồng hồ tổng tách mạng:

STT	Mã vị trí	Vị trí
15	pt2005	DBP - Cao Thang
16	pt2017	Ly Thuong Kiet - Thien Phuoc
17	pt2018	Au Co - Le Dai Hanh - Nguyen Thi Nho (04-07)
18	pt2027	Khuon Viet - Au Co
19	pt2030	Au Co - Le Dai Hanh
20	pt2032	Au Co - Le Nga
21	cl2011	Tran Nhan Ton - Hung Vuong 1 (123 Hung Vuong
22	sg2003	Dien Bien Phu - Tran Minh Quyen (3A02)

3. Đồng hồ tổng nguồn (Outlet) của Công ty TNHH Nước ngầm Sài Gòn

STT	Mã vị trí	Vị trí
23	pt4002	Dong ho so 7- Tan Hoa - Lac Long Quan
24	pt4006	Dong ho so 5 (Tan Hoa - Hong Bang)